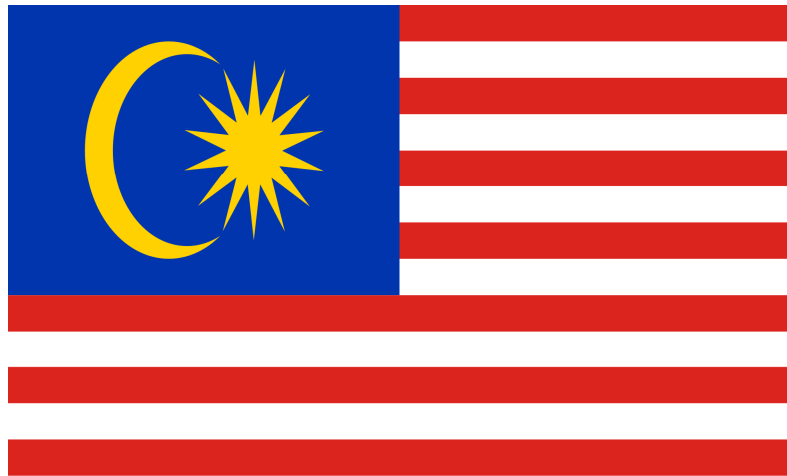




HỒ SƠ THỊ TRƯỜNG MALAYSIA



MỤC LỤC

PHẦN 1: GIỚI THIỆU KHÁI QUÁT VỀ THỊ TRƯỜNG MALAYSIA.....	3
1. Thông tin cơ bản.....	3
2. Điều kiện tự nhiên.....	3
3. Khí hậu.....	4
4. Xã hội.....	4
5. Thể chế và cơ cấu hành chính.....	5
6. Hệ thống pháp luật.....	6
7. Lịch sử.....	6
8. Văn hóa.....	7
9. Giáo dục.....	9
10. Ngày nghỉ/lễ tết.....	10
 PHẦN 2. TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ, THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ	11
1. Kinh tế.....	11
1.1. <i>Tổng quan tình hình phát triển kinh tế</i>	11
1.2 <i>Các ngành kinh tế trọng điểm</i>	12
2. Thương mại.....	14
3. Đầu tư.....	15
4. Cơ sở hạ tầng kinh tế.....	18
5. Các chỉ số kinh tế, thương mại cơ bản.....	20
6. Quan hệ quốc tế.....	21
 PHẦN 3. QUAN HỆ HỢP TÁC VIỆT NAM – MALAYSIA	22
1. Quan hệ ngoại giao.....	22
2. Quan hệ hợp tác kinh tế - thương mại.....	23
3. Hợp tác đầu tư.....	27
4. Hợp tác phát triển.....	28
 PHẦN 4. MỘT SỐ ĐIỀU CẦN BIẾT KHI KINH DOANH VỚI MALAYSIA .	31
1. Các quy định về xuất nhập khẩu.....	31
2. Chính sách thuế và thuế suất.....	34
3. Quy định về bao gói, nhãn mác.....	38
4. Quy định về kiểm dịch động thực vật.....	39
5. Quyền sở hữu trí tuệ.....	39
6. Khu vực tự do thương mại (Free Zones).....	40
7. Quy định về tiêu chuẩn đối với hàng hóa, dịch vụ.....	40
8. Thành lập doanh nghiệp.....	41
9. Văn hóa kinh doanh.....	42
 PHẦN 5. ĐỊA CHỈ HỮU ÍCH.....	44

Phần 1. Giới thiệu khái quát về thị trường Malaysia

1. Thông tin cơ bản

Tên chính thức: Liên bang Malaysia

Vị trí địa lý: Thuộc Đông Nam Á

Diện tích: 329.750 km²

Dân số: 29.702.065 người (07/05/2013)

Thủ đô: Kuala Lumpur

Các thành phố chính khác: Subang Jaya, Klang, Jhor Bahru, Ampang, Ipoh, Kuching, Shah Alam, Petaling Jaya, Batu Patah, Kota Kinabalu, Sandakan, Cheras, Seremban, Kuantan, Kajang, Tawau, Kuala Terengganu, Kota Bahru, Taiping

Ngôn ngữ chính thức: Bahasa Malaysia (ngoài ra còn có tiếng Anh, tiếng Trung Quốc, tiếng Tamít)

Đơn vị tiền tệ: Đồng Rin-git (Ringgit)

Thế chế chính phủ: Liên bang Quân chủ theo bầu cử lập hiến

Ngày quốc khánh: 31/8/1957

2. Điều kiện tự nhiên

Vị trí địa lý

Nằm trong khu vực Đông Nam Á

Bao gồm 13 bang chia thành 2 vùng địa lý:

Bán đảo Malaysia (Tây Malaysia) phía bắc giáp Thái Lan, phía đông giáp Biển Đông, phía nam giáp eo biển Singapore, phía tây giáp eo biển Malacca. Gồm chín lãnh thổ quốc vương hồi giáo (Johor, Kedah, Kelantan, Negeri Sembilan, Pahang, Perak, Perlis, Selangor và Terengganu), hai bang dưới sự lãnh đạo của Thống đốc (Malacca và Penang), và hai lãnh thổ liên bang (Putrajaya và Kuala Lumpur)

Hải đảo Malaysia (Đông Malaysia) gồm hai bang Sabah và Sarawak ở phía Bắc đảo Borneo, giáp Brunei và Indonesia

Diện tích

Toàn bộ: 329,750 km²

Đất liền: 328,550 km²

Hải phận: 1,200 km²

Diện tích đất trồng: 5,44%

Diện tích đất thường xuyên sử dụng để trồng trọt, cây cày: 17,49%

Diện tích đất khác: 77,07% (2011)

Đất ruộng: 3.800 km² (2009)

Biên giới

Đất liền:

Toàn bộ: 2,669 km

Trong đó: Brunei 381 km, Indonesia 1,782 km, Thailand 506 km

Đường biển: 4,675 km (Bán đảo Malaysia- 2068 km; Đông Malaysia - 2607 km)

Địa hình

Có nhiều đặc điểm địa hình tương tự ở cả Tây và Đông Malaysia với những đồng bằng ven biển xen giữa những đồi rừng dày đặc và núi non, điểm cao nhất là Núi Kinabalu ở độ cao 4,095.2 mét (13,435.7 ft), cao nhất Đông Nam Á, trên đảo Borneo. Phía Tây của Malaysia là các vùng núi Treng-ga-nu, Ca-me-rôn và các dãy núi chạy từ Bắc xuống Nam tiếp giáp với các vùng đất thấp ven biển, dân cư đông đúc. Rừng mưa nhiệt đới nằm ở vùng đồi núi Sabah và Sarawak thuộc miền Đông Malaysia và phía Bắc của đảo Borneo (Ki-li-man-tan).

Tài nguyên thiên nhiên

Malaysia rất giàu tài nguyên khoáng sản. Các loại quặng kim loại chính là thiếc, nhôm, đồng và sắt. Rất nhiều các kim loại thứ yếu khác được tìm thấy như mangan, antimon, thủy ngân, bôxít và vàng. Việc sản xuất thiếc tạo nên một trong những trụ cột cho kinh tế phát triển. Thiếc thường được tìm thấy ở những bãi bồi phù sa dọc triền dốc phía tây của nhánh chính vùng Tây Malaysia và những bãi bồi nhỏ hơn ở bãi biển phía tây của bán đảo. Tuy nhiên, khoáng sản giá trị nhất của Malaysia là dầu khí và khí ga tự nhiên. Các dàn khoan đều được đặt ngoài khơi, cách xa các bãi biển của vùng bán đảo và Sarawak. Ngoài ra, Malaysia có trữ lượng lớn than, than bùn, gỗ, đất sét, cao lanh, silica, đá vôi, barite, photphát, đá granite, đá mable và tiềm năng thủy điện rất lớn.

3. Khí hậu

- Khí hậu xích đạo mưa nhiều đặc trưng bởi những cơn gió mùa tây nam (tháng 4 tới tháng 10) và đông bắc (tháng 10 tới tháng 2). Lượng mưa thay đổi theo mùa hơn là thay đổi theo nhiệt độ. Phía Tây có lượng mưa tới 2.500 mm
- Thiên tai: ngập lụt, lở đất, núi lửa.
- Vấn đề môi trường: ô nhiễm không khí do khí thải công nghiệp và phương tiện giao thông, ô nhiễm nguồn nước do chất thải chưa qua xử lý, chặt phá rừng, khói, bụi mù từ các đám cháy rừng ở Indonesia

4. Xã hội

Dân số (2013)

- Tổng số dân: 29.702.065 người (5/2013)
- Cơ cấu dân số:
- Nam giới: 15.061.202 (chiếm 50,7%)
- Nữ giới: 14.640.863 (chiếm 49,3%)
- Tốc độ tăng dân số: 1,51%
- Tỷ lệ sinh: 21,41 người/ngày dân
- Tỷ lệ tử: 4,92 người/ngày dân
- Tỷ lệ tử ở trẻ sơ sinh: 15,5 người/ngày dân

- Tuổi thọ trung bình: 73,55
 - Nam: 70,81 tuổi
 - Nữ: 76,48 tuổi
- Tổng lực lượng lao động: 11,38 triệu người
- Tỷ lệ thất nghiệp: 3,7%

Dân tộc

- Người Malay: 50.4%
- Người bản xứ khác Malay (Bumiputera): 11%
- Người gốc Hoa 23.7%
- Người gốc Ấn: 7.1%
- Các dân tộc khác: 7.8%

Tôn giáo

- Đạo Hồi Sun-ni 60,4%
 - Đạo Phật 19,2% (người Campuchia theo Tiểu Thừa, người Việt Nam theo Đại Thừa).
 - Đạo Khổng, đạo Lão và các đạo Trung Quốc truyền thống khác: 2,6 %
 - Đạo Cơ đốc: 9,1 %
 - Hindu: 6,3%
 - Tôn giáo khác: 2,4%
- (điều tra dân số 2000)

Ngôn ngữ

- Tiếng Malay (*Bahasa Melayu*) (ngôn ngữ chính thống): trên %
- Tiếng Anh, tiếng Trung Quốc: %
- Tiếng Tamin

5. Thể chế và cơ cấu hành chính

Malaysia là đất nước theo chế độ Dân chủ quốc hội với một nền quân chủ lập hiến. Quốc vương là người đứng đầu nhà nước, được bầu theo nhiệm kỳ 5 năm một lần. Quốc vương sẽ được bầu lên là một trong các Sultans, tức là người đứng đầu thừa kế các Quốc vương Hồi giáo của 9 bang: Perlis, Kedah, Perak, Selangor, Negeri Sembilan, Johor, Pahang, Terengganu và Kelanta. 4 bang khác là: Melake, Pulau Pinang, Sabah và Sarawak theo chế độ Thống đốc, không tham gia vào việc lựa chọn ngôi vua, người đứng đầu bang gọi là Yang DiPertua Negeri hay còn gọi là thống đốc bang.

Hệ thống chính phủ tại Malaysia theo sát hình thức hệ thống nghị viện Westminster. Từ khi độc lập năm 1957, Malaysia đã nằm dưới sự điều hành của một liên minh đa đảng, được gọi là Barisan Nasional (trước kia gọi là Liên minh).

Quyền lập pháp được phân chia giữa liên bang và các cơ quan lập pháp bang. Lưỡng viện gồm hạ viện và thượng viện. 219 thành viên của Hạ viện được bầu từ các đơn vị bầu cử một đại biểu được lập ra dựa trên số dân với nhiệm kỳ tối đa 5 năm. Tất cả 70 thượng nghị sĩ có nhiệm kỳ 3 năm; 26 người được bầu bởi 13 quốc hội bang, 2 đại diện cho lãnh thổ liên bang Kuala Lumpur, 1 cho mỗi lãnh thổ liên bang Labuan và Putrajaya, và 40 do

nhà vua chỉ định. Bên cạnh Nghị viện ở mức độ liên bang, mỗi bang đều có một viện lập pháp riêng (Tiếng Malay: Dewan Undangan Negeri) đại biểu của các viện này được bầu từ các đơn vị bầu cử một đại biểu. Bầu cử nghị viện được tổ chức ít nhất một lần mỗi năm. Nội các được lựa chọn trong những thành viên của cả hai viện và chịu trách nhiệm trước viện của mình.

Các chính phủ bang do các chief ministers lãnh đạo (Menteri Besar tại các bang Malay hay Ketua Menteri tại các bang không do lãnh đạo do thừa kế cầm quyền). Quốc hội bang (Dewan Undangan Negeri) lựa chọn người lãnh đạo này có tham khảo ý kiến các quốc vương Hồi giáo hay các Thống đốc.

- Các lãnh đạo chủ chốt hiện nay:

- Quốc vương: Abdul Halim Mu'adzam Shah (nhậm chức từ ngày 13/12/2011)
- Thủ tướng: Mohd Najib Abdul Razak (nhậm chức vào ngày 03/04/2011)

- Đảng phái chính trị:

- Mặt trận Quốc gia (Barisan National - BN) gồm 3 đảng chính là:
 - o Tổ chức dân tộc Mã Lai thống nhất (UMNO).
 - o Hội người Mã gốc Hoa (MCA).
 - o Hội người Mã gốc ấn (MIC).
- Các đảng khác
 - o Đảng Hồi giáo Malaysia (PAS).
 - o Đảng Dân chủ Hành động (DAP).
 - o Đảng Công lý Quốc gia (Keadigan).
 - o Đảng Tinh thần 46 (Semangat 46). Ngày 6/10/96 , đảng này đã tuyên bố giải tán và xin ra nhập trở lại UMNO.

Từ khi Malaysia giành độc lập đến nay, UMNO cùng liên minh của mình liên tục cầm quyền.

6. Hệ thống pháp luật

Hệ thống pháp luật của Malaysia chủ yếu dựa theo thông luật (Common law) của Anh Quốc. Ngoài ra cũng có luật của các bang (State laws) được đưa ra bởi Hội đồng lập pháp bang áp dụng trong một bang cụ thể.

Hiến pháp Malaysia cũng đưa ra một hệ thống tòa án kép đặc biệt dựa trên secular law (luật dân sự và luật hình sự) và luật Hồi giáo sharia. Luật Hồi giáo được áp dụng với các tín đồ Hồi giáo trong các vấn đề liên quan đến tôn giáo và gia đình như việc giám hộ con cái, ly hôn, thừa kế.

Tòa án dân sự bao gồm tòa án liên bang và các tòa án phúc thẩm.

Hệ thống tòa án Sharia bao gồm tòa án phúc thẩm Sharia, tòa án tối cao Sharia và các tòa án phụ trợ thuộc cấp bang. Phán quyết ở các tòa án Sharia không thể kháng cáo ở các tòa án phúc thẩm dân sự

7. Lịch sử

Từ thế kỷ 16 trở về trước các tiểu vương quốc trên bán đảo Malaysia thường bị các vương quốc ở Nam Thái Lan và Indonesia đô hộ. Sau này các nước phương Tây như Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha, Hà Lan, Anh đã tới vùng này chiếm Malaca, Sabah, Singapore... Năm 1896, Anh lập Liên hiệp các quốc gia Mã lai gồm các tiểu bang Perak, Selagor, Negri Sembilan và Pahang. Một số tiểu bang khác (Johor, Keda, Perlis, Kelantan) cũng nhận sự bảo hộ của Anh mặc dù không tham gia Liên hiệp.

Năm 1941, Nhật chiếm bán đảo Malaysia, năm 1946, Nhật đầu hàng. Anh định lập lại chế độ thuộc địa nhưng gặp phải sự chống đối mạnh mẽ của nhân dân Malaysia. Năm 1948, Anh buộc phải ký với các tiểu vương hiệp ước thành lập Liên bang Malaysia, công nhận chủ quyền của các tiểu vương, trừ Penang và Malaca trước là lãnh thổ của Anh, các bang này có thống đốc bang. Hội nghị Luân đôn 1956 quyết định trao trả độc lập cho Malaysia. Ngày 31/8/1957 Liên bang Malaysia trở thành quốc gia độc lập, theo chế độ quân chủ lập hiến. Ngày 16/9/1963, bang tự trị Singapore gia nhập Liên bang Mã lai. Đến năm 1965, quan hệ giữa Chính phủ Liên bang với Bang tự trị Singapore trở nên căng thẳng và ngày 9/8/1965, bang tự trị Singapore tách khỏi liên bang Mã Lai trở thành nước Cộng hòa Singapore.

8. Văn hóa

Văn học và tác phẩm

Malaysia là một nước giàu có về di sản văn học như các câu chuyện cổ tích, các bài văn xuôi, pantun, seloka, syair,... hầu hết tồn tại qua truyền khẩu, bằng bản viết tay được truyền từ thế hệ này qua thế hệ khác.

Ẩm thực

Nét đặc trưng của văn hóa ẩm thực Malaysia là sử dụng các nguyên liệu tự nhiên, tươi sống, có nhiều màu sắc của các loại quả thiên nhiên. Món ăn sử dụng khá nhiều các hương vị được chế biến từ nguyên liệu hoa hoi. Vị của các món ăn truyền thống Malaysia thường khá cay, béo và hơi ngọt.

Malaysia là vùng đất của những món ăn giàu hương liệu. Hàng trăm năm trước, gia vị là một đề tài nóng bỏng và cũng là nguyên nhân của những cuộc chiến hương liệu trên dãy đất này bởi các nước thực dân phương Tây. Những nguyên liệu truyền thống của Malaysia bao gồm: rau mùi, tiêu, bột đậu khấu, cây hoi, nghệ tươi, gừng và củ cà ri, tỏi, hành...

Là đất nước mang nét đặc trưng của quốc gia nông nghiệp lúa nước, do đó cơ chế bữa ăn của người Malaysia thường được xếp theo thứ tự ưu tiên: Cơm, rau, cá, thịt, tương tự như Việt Nam. Vì vậy, cơm được dùng trong 3 buổi sáng, trưa, tối. Như các bạn đã biết, Malaysia là quốc gia Hồi giáo. Vì vậy, họ không dùng món thịt heo thay vào đó họ ăn nhiều thịt bò, cừu và cá. Họ thường dùng tay để lấy thức ăn, vì vậy có người gọi đây là “nhóm văn hóa ăn bốc”.

Trong một buổi ăn thường có 3 nhóm chính: Nhóm salad (hay gỏi) được dùng để khai vị; Nhóm nướng sa tế: gồm thịt gà, thịt bò, hải sản xay nhuyễn tẩm gia vị rồi nướng, ăn cùng với cơm nắm cắt thành từng miếng nhỏ vừa ăn; Nhóm sốt cà ri: gồm các loại thịt bò, gà, mực, đuôi bò..., ăn cùng với cơm chiên cá cơm khô.

Một vài món nổi tiếng của Malaysia:

- Trước hết là món Roti Jala, được làm từ hỗn hợp bột mì và trứng, cùng với một lượng nhỏ bột nghệ và bơ, được dùng kèm với bất cứ món nào có nhiều nước sốt.
 - Satay là món ăn phổ biến của Malaysia. Đó là những miếng thịt gà hoặc bò xiên vào trong que, có phết dầu nướng trên ngọn than đỏ. Món này được dùng khi nóng và kèm với nước sốt đậu phụng đặc biệt.
 - Nasi Dagang được làm bằng cách nấu lẫn gạo và nếp với nhau, khi nấu cho thêm nước cốt dừa. Nasi Dagang dùng ăn với cà ri cá ngừ và dưa chua sẽ tăng phần hấp dẫn của món ăn.
 - Keropok Lekor / Keping là hai món ăn nhanh phổ biến tại Terengganu. Keropok được làm từ thịt cá, pha trộn với bột cọ sagu. Cùng một món nhưng được trình bày ở 2 dạng khác nhau: loại dài, cần nhai nhiều được gọi là Lekor, trong khi loại nhỏ, giòn được gọi là Keping. Keropok ăn ngon nhất khi còn nóng, nếu ăn kèm với tương ớt sẽ ngon hơn.
 - Ayam Goreng đây là món ăn làm từ gà khá phổ biến. Đầu tiên, gà được ướp kỹ với các loại gia vị khác nhau như nghệ và bột cà ri, sau đó đến công đoạn rán gà. Gà rán được dùng nóng.
 - Sata là hỗn hợp gồm thịt cá, hành, gừng được giã thành một hỗn hợp, đặt trong lá chuối rồi cuốn lại, sau đó nấu trên bếp, nhỏ lửa. Đây là món ăn mặn được dọn vào cuối buổi.
- Trong bữa ăn, tất cả các món ăn được bày cùng một lúc, với đầy đủ màu sắc và hương vị thơm nồng. Chính do sự lôi cuốn đó đã góp phần lớn trong việc ngày càng có nhiều du khách khắp nơi trên thế giới đến quốc gia này vừa để thưởng lãm những cảnh quan đẹp vừa thưởng thức “hương, vị và sắc màu” của Malaysia.

Âm nhạc

Âm nhạc truyền thống Malaysia bị ảnh hưởng nhiều từ phong cách Trung Quốc và Hồi giáo. Âm nhạc chủ yếu dựa quanh gendang (trống), nhưng gồm cả các nhạc cụ gỗ khác (một số làm bằng các loại vỏ và mai); rebab, một nhạc cụ dây hình cung; serunai, nhạc khí hai lưỡi như oboe; sáo, và trumpet. Nước này có truyền thống múa và kịch múa lâu đời, một số có nguồn gốc Thái, Ấn Độ, Bồ Đào Nha. Đạo Hồi cũng đưa ra điệu múa Zapin. Các nghệ thuật biểu diễn truyền thống, có ảnh hưởng của Thái Lan là manora và makyong. Trong những người Trung quốc và Ấn Độ có các điệu hát giao hưởng nổi tiếng của Trung quốc và các điệu múa nổi tiếng của người ấn Độ. Các hình thức nghệ thuật khác gồm wayang kulit (rối bóng), silat (một kiểu võ thuật cách điệu hoá) và đồ thủ công như batik, dệt, bạc và đồ đúc đồng.

Lễ hội

Là một cộng đồng đa sắc tộc, Malaysia là đất nước của những lễ hội sắc màu. Đạo Hồi, đạo Phật, đạo Cơ đốc, đạo Hindu, đạo Khổng đều có nhiều ngày lễ vào các thời điểm khác nhau trong năm với những lễ hội sôi động, điệu múa và kịch truyền thống.

- Ngày lễ Hồi giáo (Hari Raya Puasa đánh dấu sự kết thúc của tháng chay Ramadan, Awal Muharram (Năm mới Hồi giáo) và Maulidul Rasul (Ngày sinh Nhà tiên tri), Hari Raya Haji)

- Ngày lễ truyền thống Trung Quốc (Năm mới Âm lịch, Thanh Minh, Trung thu)
- Lễ Phật Đản
- Ngày lễ Hindu giáo (Deepavali, lễ hội ánh sáng, Thaipusam)
- Một số ngày lễ của các tôn giáo, dân tộc khác: lễ Vaisaki - Năm mới của người Sikh, Hari Gawai của người Iban (Dayak), Pesta Menuai (Pesta Kaamatan) của người Kadazan-Dusun, Thứ sáu tuần thánh, Giáng sinh...

Thể thao

Người Malaysia thường chơi thể thao để thư giãn, giải trí. Môn thể thao được ưa thích nhất là thả diều. Đây là một trong những môn thể thao lâu đời nhất có từ thời Melakan. Ngày nay thả diều được tổ chức như một sự kiện quốc tế lớn thu hút nhiều người tham gia từ khắp nơi trên thế giới như Hà Lan, Bỉ, Đức, Singapo hay Nhật Bản.

Silat cũng là một môn thể thao phổ biến ở Malaysia thu hút cả nam giới lẫn phụ nữ. Đây được coi là môn nghệ thuật phòng ngự của Malaysia.

Các môn thể thao phổ biến khác: Sepak Takraw, Wayang Kulit, bóng đá, đua ngựa, đua xe, đua thuyền máy, cricket, squash và hockey. Các tuyển thủ bóng bàn và cầu lông của Malaysia thường chiếm những vị trí rất cao trong bảng xếp hạng thế giới.

9. Giáo dục

Giáo dục thuộc trách nhiệm của chính phủ liên bang. Hệ thống giáo dục quốc gia bao gồm giáo dục từ mẫu giáo tới bậc đại học. ở Malaysia hệ thống giáo dục phổ thông là bắt buộc. Giáo dục tiểu học và trung học được miễn phí. Trẻ em bắt đầu lớp 1 của bậc tiểu học khi 6 tuổi. Bậc tiểu học kéo dài 6 năm, trung học cơ sở 3 năm, tiếp theo là 2 năm phổ thông trung học và 2 năm ở bậc sau trung học. Sau khi hoàn thành ba năm trung học cơ sở, học sinh sẽ phải tham gia kỳ thi chuyển cấp quốc gia. Kết quả của kỳ thi này sẽ quyết định việc tiếp tục theo học trung học phổ thông bậc cao với các chương trình học như khoa học, kỹ thuật hay học nghề.

Quá trình tuyển chọn vào học trung học phổ thông bậc cao ở Malaysia do Bộ Giáo dục đảm nhiệm. Học sinh sau khi kết thúc hai năm học trung học phổ thông bậc cao phải trải qua kỳ thi bắt buộc để có bằng tốt nghiệp phổ thông (Pijil Pelaran Malaysia) hoặc bằng học nghề (Sijil Pelaran Malaysia Vokasional).

Chương trình giáo dục tiền đại học ở Malaysia được chia thành hai mức độ: mức độ A và mức độ đại học. Kết quả của kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông bậc cao sẽ quyết định việc học sinh tiếp tục học lên cao theo mức độ nào.

Hiện nay, Malaysia có 15 trường đại học công lập, 4 chi nhánh của trường Đại học nước ngoài cấp bằng cử nhân, 11 trường đại học tư, 1 trường cao đẳng. Ngoài ra, Malaysia còn có khoảng 30 trường tư với chương trình cấp bằng của trường đại học nước ngoài 3+0 (nghĩa là toàn bộ chương trình của trường đại học nước ngoài được tổ chức tại Malaysia) và khoảng 35 trường cao đẳng tư với các chương trình bán du học 2+1 (bán du học là chương trình được thực hiện một phần ở Mã Lai và phần còn lại được hoàn tất tại trường đại học chủ quản ở nước ngoài).

Các viện giáo dục bậc đại học tổ chức nhiều khoá học đa dạng với nhiều hình thức học khác nhau và bảo đảm chất lượng giáo dục cao. Để bảo đảm chất lượng giáo dục và để bảo vệ lợi ích của công chúng và sinh viên, tất cả các viện giáo dục bậc đại học đều phải đăng ký và được Bộ Giáo dục Malaysia chấp thuận. Thêm vào đó, Hội đồng Ủy nhiệm Quốc gia (LAN), được nhà nước thành lập dưới Đạo luật Hội đồng Ủy nhiệm Quốc gia 1996 là cơ quan pháp luật chịu trách nhiệm quản lý tiêu chuẩn và chất lượng giáo dục bậc đại học ở các PHEIs. Hội đồng này bảo đảm rằng việc giáo dục tuân theo tiêu chuẩn quốc tế và sẽ đem lại lợi ích to lớn cho sinh viên.

10. Ngày nghỉ/lễ tết

1/1 – Ngày đầu năm mới

2/2 - Hari Raya Qurban

22/2 - Awal Muharam

1/5 – Quốc tế lao động

2/5 - Prophet Mohammad's Birthday

3/5 - Wesak Day

Thứ 7 đầu tiên của tháng 6: Ngày sinh nhật Nhà Vua

31/8 – Ngày quốc khánh

16/9: Ngày Malaysia (chỉ được tổ chức ở bang Sabah)

11/11 - Deepavali

14-15/11 - Hari Raya Puasa

25/12 – Lễ giáng sinh

Phần 2. Tình hình phát triển kinh tế, thương mại và đầu tư

1. Kinh tế

1.1. Tổng quan tình hình phát triển kinh tế

Malaysia đã biến đổi từ một nước chủ yếu xuất khẩu nguyên liệu thô (cao su, thiếc) những năm 1970 trở thành một trong những nền kinh tế mạnh nhất, đa dạng hóa nhất và tăng trưởng nhanh nhất Đông Nam Á. Các ngành sản xuất chính trước đây vẫn giữ vai trò quan trọng: Malaysia là nước sản xuất hàng đầu thế giới về cao su và dầu cọ, xuất khẩu một lượng lớn dầu mỏ và khí đốt đồng thời là một trong những nguồn cung cấp gỗ cứng công nghiệp lớn nhất thế giới. Malaysia chủ yếu chú trọng đến các ngành sản xuất xuất khẩu để thúc đẩy sự phát triển kinh tế. Tận dụng lợi thế cạnh tranh của nguồn lao động tương đối rẻ có chất lượng khá cao, hệ thống cơ sở hạ tầng phát triển, chính trị ổn định và đồng tiền yếu, Malaysia đã và đang thu hút được luồng đầu tư nước ngoài lớn, đặc biệt là từ Nhật Bản và Đài Loan

Nguồn lực trọng tâm phát triển kinh tế là ngành công nghiệp sản xuất hàng điện tử, điện lạnh và dệt may, những nguồn thu chủ yếu của xuất khẩu. Sự thành công của việc đẩy mạnh phát triển các ngành sản xuất được thể hiện qua sự phát triển của nhiều ngành công nghiệp nặng điển hình là luyện thép và chế tạo ô tô.

Kể từ đầu những năm 1970, chính phủ Malaysia đã nỗ lực đưa ra một chiến lược tái cơ cấu xã hội và kinh tế, đầu tiên được biết đến với tên “Chính sách kinh tế mới” - New Economic Policy (NEP). Chính sách này hướng đến việc đấu tranh để cân bằng giữa các mục tiêu phát triển kinh tế và thu hẹp khoảng cách giàu nghèo. Nền kinh tế Malaysia thường bị thống trị bởi những người có gốc Trung Quốc và Đông Á. Mục đích của NEO là giúp cho người Malay cũng như các dân tộc bản địa khác có nhiều cơ hội hơn nâng cao kỹ năng quản lý và kinh doanh của mình. Chính sách kinh tế của chính phủ cũng khuyến khích khu vực kinh tế tư nhân nắm vai trò lớn hơn trong quá trình tái cơ cấu. Một thành phần cơ bản của chính sách này là việc tư nhân hóa nhiều hoạt động công cộng bao gồm có đường sắt quốc gia, hàng không, sản xuất ô tô và các công ty viễn thông.

Đến cuối thập kỷ 80, Malaysia chuyển sang nền kinh tế trong đó khu vực tư nhân nắm vai trò quan trọng. Kế hoạch 5 năm lần thứ 7 (1996 - 2000) và lần thứ 8 (2001-2005) bắt đầu được thực hiện trong khuôn khổ kế hoạch dài hạn 30 năm (1990-2020) gọi là "Chương trình phát triển mới" hay "Tầm nhìn 2020" với mục tiêu đưa Malaysia trở thành một nước phát triển vào năm 2020. Ngoài ra còn có các chính sách đề ra trong một số văn bản hướng dẫn như: Phái đoàn Quốc gia (2006-2020), Kế hoạch Malaysia lần thứ X (2011-2015), mô hình kinh tế mới (2010), và Chương trình chuyển đổi kinh tế (2010) cũng tích cực góp phần thúc đẩy nền kinh tế phát triển.

Trong 2 năm 1997 và 1998, kinh tế Malaysia rơi vào khủng hoảng khá trầm trọng. Năm 1998, GDP là -6,7%, đồng ringgit mất giá 65%. Nhờ những biện pháp khắc phục khủng hoảng đúng đắn trong đó có việc ấn định tỷ giá và kiểm soát vốn, nền kinh tế Malaysia phục hồi khá nhanh từ đầu năm 1999. Tăng trưởng GDP năm 1999 đạt 5,8%, năm 2000 đạt 8,5%, năm 2001 đạt 2,4% do tình hình kinh tế toàn cầu giảm sút. Tuy nhiên, từ năm

2002 kinh tế Malaysia từng bước phục hồi với mức tăng trưởng kinh tế (GDP) năm 2002 là 4,2%, năm 2003 đạt 5,2%. GDP năm 2007 đạt 641,864 tỷ ringgit tăng 6,3%.

Riêng năm 2009 do ảnh hưởng từ cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu nền kinh tế Malaysia rơi vào khủng hoảng. Tuy nhiên kể từ quý IV/2009 nền kinh tế đã tăng trưởng dương sau ba quý liên tiếp suy thoái. Tính chung cả năm 2009, kinh tế Malaysia sụt giảm -1,7%, thấp hơn đáng kể so với dự báo giảm 3-4% trước đó. Trong năm 2010 Malaysia tăng trưởng kinh tế 7,2% năm 2010, vượt mức dự báo 6%, tăng trưởng mạnh nhất trong 10 năm. Tăng trưởng kinh tế trong năm 2011 là 5,1%. do cuộc khủng hoảng ở khu vực đồng euro và đà tăng trưởng chậm hơn ở Ấn Độ và Trung Quốc. Năm 2012, Malaysia tăng trưởng 5,6% do có Chương trình chuyển đổi Chính phủ và Kế hoạch Chuyển đổi kinh tế đã mang lại tăng trưởng đáng kể tổng sản phẩm quốc nội. Chính phủ Malaysia tin tưởng nền kinh tế nước này có thể tăng cường khoảng 4,5-5% trong năm 2013, dựa trên các kết quả tích cực có được từ các chính sách kinh tế và tài chính được thử nghiệm cũng như triển vọng dài hạn của Malaysia dựa vào khả năng phục hồi của khu vực đầu tư tư nhân, nhu cầu trong nước mạnh mẽ cũng như đa dạng hóa xuất khẩu.

Hiện nay Malaysia là một quốc gia thương mại lớn mà thương mại được coi như một phần của tổng sản phẩm quốc nội (GDP) với hàng hoá và dịch vụ xuất khẩu lên tới khoảng 100 phần trăm GDP với ngành kinh tế chủ đạo là công nghệ kỹ thuật cao sử dụng lao động có tri thức. GDP bình quân đầu người của Malaysia năm 2012 (theo tỷ giá hiện hành) là 10.085 USD.

1.2 Các ngành kinh tế trọng điểm

Công nghiệp

Từ những năm 1970, sản xuất tăng trưởng với tốc độ chóng mặt và trở thành mũi nhọn của nền kinh tế Malaysia. Hiện nay, công nghiệp chiếm phần lớn nhất trong GDP mặc dù nhiều hoạt động chính vẫn còn cần thêm nhiều lao động. Các ngành như thiết bị điện, điện máy và ứng dụng, hóa chất và dệt may phát triển mạnh rất đáng chú ý. Mục tiêu phát triển chính là sản xuất hàng hóa xuất khẩu và giảm lượng hàng nhập khẩu cùng loại. Một chiến lược đã được đưa ra để quảng bá cho hàng xuất khẩu công nghiệp với rất nhiều khu tự do thương mại cung cấp nguyên liệu thô nhập khẩu và các bộ phận nửa tinh chế miễn thuế cùng vô số hoạt động khuyến khích đầu tư và xuất khẩu. Các khu công nghiệp chủ yếu phát triển ở những vùng nông thôn kém phát triển để kích thích sản xuất và cân bằng phát triển công nghiệp tuy nhiên khả năng sản xuất vẫn giữ ở mức độ tập trung cao. Ngành công nghiệp năng mang nhiều ý nghĩa chính trị hơn là kinh tế với công suất quá mức và chi phí sản xuất cao. Chiến lược phát triển ngày càng tập trung mở rộng những ngành công nghiệp vừa và nhỏ để chúng có thể tự sản xuất với công nghệ học tập từ những nước kinh tế phát triển hơn với mục tiêu tự tạo lợi thế cạnh tranh cho mình hơn là chỉ dừng lại ở mức bắt chước sản xuất.

Nông, lâm, ngư nghiệp

Nông, lâm, ngư nghiệp được coi là những ngành truyền thống cơ bản của nền kinh tế Malaysia thu hút phần lớn lao động trong nước. Tuy nhiên sự cân đối đang dần biến mất

khí đóng góp của các ngành này vào tổng thu nhập quốc nội giảm dần từ khoảng một phần ba năm 1970 nay chỉ còn khoảng một phần năm.

Gạo là loại lương thực chính được trồng trong các trang trại nhỏ. Luân phiên trồng trọt được áp dụng chủ yếu ở miền Đông Malaysia. Mặc dù công nghệ được phổ biến khá rộng rãi bởi sự ra đời của nhiều loại giống cây trồng đa dạng, phân bón hóa học và thuốc trừ sâu (còn được gọi là cuộc cách mạng xanh), sản lượng lúa lại đang ngày càng giảm. Những nguyên nhân chính là do điều kiện thời tiết không thuận lợi, nông dân bỏ ra thành phố làm trong các nhà máy, và giảm diện tích đất nông nghiệp. Hậu quả của tình trạng này là Malaysia không đủ lương thực để tự cung và phải nhập khẩu lương thực thâm hụt từ Thái Lan.

Loại cây công nghiệp quan trọng nhất là dầu cọ và cao su. Mặc dù đang giảm dần nhưng hai loại sản phẩm nông nghiệp này vẫn chiếm một tỉ lệ đáng kể trong tổng xuất khẩu hàng hóa Malaysia. Sản xuất dầu cọ và cao su lệ thuộc vào những biến động lớn về giá cả các loại hàng hóa này và dẫn đến sự giảm sút số lượng các đồn điền. Các loại cây công nghiệp quan trọng khác là cây cacao, hồ tiêu và dừa

Phần lớn rừng ở cả Đông và Tây Malaysia đều bị khai thác nặng nề lấy gỗ. Rừng nhiệt đới ẩm ở vùng đất thấp là dải rừng mang nhiều giá trị thương mại nhất với rất nhiều loại cây có giá trị kinh tế cao thuộc họ dầu - Dipterocarpaceae. Phần lớn gỗ được sản xuất ở Sarawak và Sabah. Tuy nhiên đang dấy lên nhiều lo ngại về tốc độ chặt phá rừng gây ra bởi quá trình chuyển dịch sản xuất nông nghiệp và hoạt động đồn gỗ diễn ra mạnh mẽ ở Đông Malaysia. Nhiều nỗ lực đã được đưa ra để giảm lượng gỗ khối xuất khẩu và thay thế các ngành công nghiệp phụ thuộc vào gỗ như sản xuất gỗ dán và nội thất. Mặc dù cây gỗ không còn sẵn như trước, đồn gỗ vẫn là một ngành quan trọng ở Tây Malaysia. Vùng này cũng có một lịch sử lâu dài về quản lý và bảo tồn rừng chặt chẽ nên hậu quả của quá trình chặt phá rừng vẫn chưa quá nghiêm trọng.

Lâu nay, phần lớn việc đánh bắt cá ở Malaysia đều diễn ra ở các vùng biển nông gần bờ nơi lượng dinh dưỡng trong nước thấp và vì vậy năng suất nói chung khá thấp. Trong những năm 1970, ngành công nghiệp đánh bắt của nước này đã được hiện đại hóa mà đáng kể nhất là sự bổ sung các tàu đánh cá bằng lưới rà, và cơ khí hóa tàu đánh cá. Điều này đã cho phép việc đánh cá gần bờ trở nên dễ dàng và số lượng tàu đánh bắt tăng lên đáng kể. Malaysia đã trở thành một trong những nước dẫn đầu về đánh bắt cá, mặc dù đỉnh cao của ngành này là vào khoảng năm 1980 và ngành ngư nghiệp vẫn còn bị kìm hãm ở những vùng nước nông gần bờ đã bị khai thác quá mức. Ngành nuôi trồng thủy sản cũng đang ngày càng tăng dù tiềm năng ngành này vẫn còn phần lớn chưa được tận dụng.

Khai khoáng và năng lượng

Khai khoáng là ngành công nghiệp có đóng góp lớn vào GDP của Malaysia. Tuy nhiên sản lượng thiếc giảm nhanh chóng từ những năm 1970 do sự xói mòn của những vùng đất bồi phù sa dễ tiếp cận, chi phí khai thác tăng cao và sự dao động bất ổn của nhu cầu thị trường thiếc thế giới. Sản xuất dầu mỏ ngày càng trở nên quan trọng cùng với sản xuất khí ga hóa lỏng trở thành ngành công nghiệp chủ chốt chiếm phần lớn tổng thu xuất khẩu Malaysia. Một số khoáng sản quan trọng khác là đồng, bauxit và sắt mặc dù sản xuất của

các quặng này cũng rất bấp bênh phụ thuộc vào những biến động của thị trường thế giới. Sản lượng sắt suy sụp do sự xói mòn những bãi bồi chất lượng cao. Sản xuất bauxit tập trung gần vùng Johor ở điểm cuối phía đông bán đảo, trong khi đồng tập trung ở phía tây Sabah

Tài nguyên dầu mỏ là nguồn năng lượng chính. Các mỏ than và than bùn phần lớn đều chưa được sử dụng do chi phí khai thác đắt đỏ, không kinh tế. Gỗ và than củi là các loại nhiên liệu nội địa truyền thống, tuy nhiên chúng đều đã bị thay thế bởi ga bình ở những vùng thành thị. Thủy điện chiếm hơn một phần tư tổng năng lượng sản xuất nhưng phần lớn nguồn năng lượng này lại chỉ tập trung ở cùng bán đảo. Lượng mưa dồi dào và độ dốc lớn của sông ngòi ở những vùng cao nguyên phía trong tạo cơ hội lớn cho việc phát triển ngành này ở cả hai vùng Đông và Tây Malaysia.

Tài chính và thương mại

Malaysia có một khu vực tài chính năng động đang phát triển được chính phủ hỗ trợ bằng các chính sách khuyến khích đầu tư nước ngoài, cạnh tranh thị trường và cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước. Ngân hàng và bảo hiểm hoạt động theo quy định của ngân hàng nhà nước Bank Negara Malaysia. Chính phủ cho phép nhiều hoạt động ngân hàng bao gồm cả các ngân hàng bán công hoạt động theo nguyên tắc tài chính đạo Hồi. Kuala Lumpur có cả sở giao dịch hàng hóa và sở giao dịch chứng khoán.

Cơ cấu xuất khẩu Malaysia có nhiều chuyển biến từ năm 1970 từ một nước chủ yếu xuất khẩu cao su và thiếc trở thành nước với hàng hóa sản xuất chiếm tới hơn một nửa doanh thu xuất khẩu. Phần lớn trong số đó là các sản phẩm điện tử, điện lạnh. Tuy nhiên những hàng tiện nghi xuất khẩu khác cũng vẫn giữ được vai trò quan trọng. Hàng nhập khẩu chủ yếu là máy móc và hàng phục vụ sản xuất khác. Đối tác thương mại chính của Malaysia là Nhật bản, Singapo và Hoa kỳ. Các nước công nghiệp mới châu Á như Hàn Quốc, Đài Loan cũng có được thị phần ngày càng cao. Malaysia là thành viên ASIAN và có hoạt động thương mại ngày càng tăng với các thành viên khác trong tổ chức này (trừ Singapo)

Tài chính công

Hệ thống tài chính công của Malaysia – kiểm toán, việc tổ chức kế toán, điều hành nghị viện, và thu thập ngân khố quốc gia. Vai trò chính của hệ thống tài khóa là tăng thu nhập cho chi tiêu công thay vì là cơ chế để điều chỉnh tốc độ của hoạt động kinh tế, tỷ lệ thất nghiệp hay giá cả. Thu nhập quốc gia gia tăng chủ yếu nhờ hệ thống thuế - tương đối cân bằng giữa thuế trực thu (thuế thu nhập) và thuế gián thu (ví dụ thuế hải quan và thuế hàng hóa)

Tăng trưởng mạnh về kinh tế tạo ra nhu cầu lớn về nguồn lao động thêm cho khu vực sản xuất và dịch vụ. Sự thiếu hụt lao động thường dẫn tới tăng lương. Tuy nhiên lại chỉ có một luồng lao động rất hạn hẹp từ Đông sang Tây Malaysia bất chấp những khuyến khích về mặt kinh tế nên việc thuê các lao động nước ngoài đang ngày được chú ý hơn

2. Thương mại

Đánh giá chung

Xuất nhập khẩu năm 2009 của Malaysia đạt 988,24 tỷ Ringgit, giảm 16,6% so với năm 2008. Trong đó xuất khẩu đạt 553,3 tỷ Ringgit, giảm 16,6% và nhập khẩu đạt 434,94 tỷ Ringgit, giảm 16,6% và thương mại thặng dư năm 2009 đạt 118,35 tỷ Ringgit. Trong năm 2010, tổng thương mại quốc tế của Malaysia đạt 1167,65 tỷ Ringgit, xuất khẩu đạt 638,82 tỷ Ringgit, nhập khẩu đạt 528,83 tỷ Ringgit. Năm 2011, tổng thương mại quốc tế đạt 1268,78 tỷ Ringgit. Trong đó xuất khẩu chiếm 694,55 tỷ Ringgit, nhập khẩu chiếm 574,23 tỷ Ringgit.

Tổng thương mại quốc tế trong năm 2012 đã vượt qua mức 1000 tỷ Ringgit với giá trị 1310 tỷ Ringgit so với 1268,78 tỷ Ringgit ghi nhận trong năm 2011. Xuất khẩu tăng 0,6% 702.19 tỷ Ringgit trong khi nhập khẩu tăng 5,9% lên mức 607.36 tỷ Ringgit, dẫn đến thặng dư thương mại của 94.82 tỷ Ringgit, đánh dấu 15 năm liên tiếp thặng dư. Trong số 5 đối tác thương mại hàng đầu, mở rộng thương mại được ghi nhận với các nước ASEAN, tăng 8,2%; Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa (PRC) tăng 8% trong khi thương mại với Nhật Bản giảm 1%, Liên minh châu Âu (EU) tăng 2,4% và của Hoa Kỳ tăng 2,8%. Các nước khác đăng ký mở rộng trong thương mại là Australia tăng 13,6%; Ấn Độ tăng 7,3%; Ả Rập Saudi tăng 17,3% và Hàn Quốc (Hàn Quốc) tăng 0,9%.

Vào tháng 3 năm 2013, Malaysia đạt mức thặng dư thương mại 5,08 tỷ Ringgit, giảm so với 10,4 tỷ Ringgit trong cùng kỳ năm ngoái. Xuất khẩu đã giảm trong tháng thứ hai liên tiếp, và giảm 2,9 %, do ảnh hưởng bởi giá của các lô dầu cọ và điện tử thấp hơn. Nhập khẩu tháng ba năm 2013 tăng 7 %. Hàng hóa nhập khẩu và hàng trung cấp mở rộng 25,8 % và 2,4 % tương ứng, trong khi nhập khẩu hàng hóa tiêu thụ thấp hơn 2,3 %. Tổng thương mại của Malaysia trong quý đầu tiên năm 2013 trị giá 322.38 tỷ Ringgit, tăng 1,5 % so với cùng kỳ năm 2012. Kim ngạch xuất khẩu giảm 2,4 %, trong khi nhập khẩu tăng 6,2 %. Trong số 5 đối tác thương mại hàng đầu, mở rộng thương mại được ghi nhận với các nước ASEAN, tăng 4,7 %, Trung Quốc tăng 8,3%, EU tăng 4,1 % và Hoa Kỳ tăng 0,9 % trong khi thương mại với Nhật Bản giảm 9,7 %. Các nước khác đang gia tăng thương mại với Malaysia là Hàn Quốc tăng 11,9 %, Ấn Độ tăng 19,7 %, và Ả Rập Saudi tăng 7,7 %.

Mười đối tác nhập khẩu lớn nhất của Malaysia gồm: Trung Quốc, Singapore, Nhật Bản, EU, Hoa Kỳ, Thái Lan, Hồng Kông, Ấn Độ, Hàn Quốc và Úc. Các nước này chiếm 77,5% xuất khẩu của Malaysia.

Mười đối tác xuất khẩu lớn nhất của Malaysia gồm: Singapore, Nhật Bản, Trung Quốc, Hoa Kỳ, EU, Indonesia, Thái Lan, Hàn Quốc, Đài Loan và Ả Rập Saudi.

3. Đầu tư

Các nhân tố hấp dẫn đầu tư nước ngoài vào Malaysia

Nhân tố bên trong

- Sự ổn định chính trị trong giai đoạn công nghiệp hóa hướng về xuất khẩu kể từ năm 1970.
- Là nước nghèo về vốn và công nghệ nhưng Malaysia lại có nguồn nhân lực dồi dào. Tỷ lệ phổ cập giáo dục cao, văn hóa đa sắc tộc đã tạo ra sự đa dạng phong phú về thị trường tiêu thụ và giá thành lao động hấp dẫn.

- Sự giàu có về tài nguyên là nhân tố thuận lợi, hấp dẫn cho nhà đầu tư nước ngoài. Trong thập kỷ 70 Malaysia là nước đứng đầu thế giới về sản lượng thiếc, cao su, dầu cọ và có trữ lượng lớn về dầu mỏ, khí đốt và vàng,...
- Sự thay đổi cơ cấu kinh tế nhanh chóng, với sự phát triển nhanh, mạnh của ngành chế tạo và hàng hóa xuất khẩu có nhu cầu rất lớn về công nghệ và thị trường.
- Sức mạnh kinh tế đã tạo nên cơ sở hạ tầng phát triển bậc nhất Đông Nam Á ở Malaysia. Thêm vào đó, môi trường kinh tế vĩ mô ổn định, lạm phát thấp, tỷ giá hối đoái linh hoạt, hệ thống ngân hàng mở rộng,... là những nhân tố góp phần tạo nên tính hấp dẫn với nhà đầu tư nước ngoài.

Nhân tố bên ngoài

- Chủ nghĩa khu vực kinh tế đang ngày càng phát triển ở Bắc Mỹ, Tây Âu, và Đông Nam Á đã có tác động tích cực đến FDI vào các nước đang phát triển, trong đó có Malaysia thông qua thương mại và đầu tư.
- Việc mất đi các lợi thế cạnh tranh về lao động tài nguyên của các nước như Hoa Kỳ, Nhật Bản và NIEs Châu Á trong vài thập kỷ qua là động cơ thúc đẩy các nước này mở rộng đầu tư nước ngoài, trong đó có Malaysia là nước có môi trường đầu tư hấp dẫn.

Môi trường pháp lý đối với đầu tư nước ngoài tại Malaysia

Các doanh nghiệp hoạt động ở vùng sâu, vùng xa được miễn thuế đầu tư 10 năm. Và miễn giảm thuế thu nhập trong nhiều năm với các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Miễn giảm thuế xuất nhập khẩu với các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Không có biện pháp cấm, hạn chế xuất nhập khẩu các loại máy móc thiết bị và nguyên liệu cần thiết cho hoạt động sản xuất để xuất khẩu.

Bên cạnh đó, Malaysia đã ký hiệp định bảo đảm đầu tư với 54 nước trên thế giới. Malaysia cũng không có qui định hạn chế đối với việc chuyển lợi nhuận ra nước ngoài hoặc nhập khẩu vốn. Chính phủ Malaysia khuyến khích đầu tư trực tiếp nước ngoài vào các dự án sản xuất hàng xuất khẩu và các lĩnh vực công nghệ cao trên Cơ sở liên doanh liên kết nhưng vẫn giữ thẩm quyền xét duyệt đáng kể đối với từng dự án đầu tư. Cơ quan Phát triển Công nghiệp Malaysia (The Malaysian Industrial Development Authority) là Cơ quan chính phủ thuộc Bộ Công nghiệp và Thương mại Quốc tế chịu trách nhiệm quản lý các dự án đầu tư nước ngoài vào Malaysia. Đối với các dự án đầu tư nhằm vào thị trường nội địa của Malaysia, Chính phủ Malaysia giới hạn phần vốn góp của nước ngoài ở mức 30% và yêu cầu các công ty nước ngoài liên doanh với các đối tác trong nước của Malaysia.

Các công ty nước ngoài tại Malaysia bị hạn chế về số lượng người nước ngoài được phép tuyển dụng. Tháng 6/2003, Chính phủ Malaysia đã tự do hóa các qui định về tuyển dụng người lao động nước ngoài trong lĩnh vực chế tạo sản xuất (công ty sản xuất với vốn góp của nước ngoài tối thiểu 2 triệu USD được phép thuê tối đa 10 lao động nước ngoài). Hiện nay có hơn 40 nền kinh tế đầu tư vào Malaysia với hơn 3.000 dự án trong lĩnh vực sản xuất. Các nhà đầu tư lớn là Đài Loan, Nhật, Hoa Kỳ, Singapore, Hongkong, Đức, Anh, Pháp, Australia. Malaysia được đánh giá là một trong những nước đứng đầu thế giới về thu hút đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực sản xuất. Đây là một trong những thành công trong chính sách phát triển kinh tế của Malaysia.

Tình hình đầu tư nước ngoài vào và đầu tư ra nước ngoài của Malaysia

Năm 2006, Malaysia là nước thu hút FDI ở mức kỷ lục với 20,2 tỷ ringgit, (so với Singapore 30,7 tỷ ringgit, Thái Lan ở mức 11,4 tỷ ringgit và Indonesia 4,7 tỷ ringgit). Lượng vốn đầu tư được phê duyệt tại Malaysia là 46 tỷ ringgit cho 1.077 dự án sản xuất, so với 31 tỷ ringgit trong năm 2005. Mức này đã vượt chỉ tiêu đầu tư trung bình hàng năm 27,5 tỷ ringgit đề ra theo quy hoạch tổng thể phát triển công nghiệp lần thứ 3 (IMP3) Malaysia đã vươn lên thứ 23 trong số 61 quốc gia trong "Bảng xếp hạng cạnh tranh toàn cầu 2006" từ vị trí thứ 28 năm 2005. Còn theo báo cáo của Ngân hàng Thế giới 2007, Malaysia đứng thứ 25 trong tổng số 175 quốc gia có điều kiện kinh doanh thuận lợi. 10 quốc gia và vùng lãnh thổ hàng đầu đầu tư vào Malaysia trong năm 2005 và 2006 gồm Nhật Bản (8,1 tỷ ringgit), Hoa Kỳ (7,6 tỷ ringgit), Hà Lan (5 tỷ ringgit), Singapore (4,9 tỷ ringgit), Úc (2,7 tỷ ringgit), Hàn Quốc (1,1 tỷ ringgit), Cayman Islands (1 tỷ ringgit), Đài Loan (800 triệu ringgit), Anh (700 triệu ringgit) và British Virgin Islands (700 triệu).

Tổng cộng số vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Malaysia tính hết tháng 12/2009 đạt 74,64 tỷ USD. Riêng năm 2009 FDI của quốc gia này giảm 81% chỉ đạt 1,38 tỷ USD so với 7,32 tỷ USD năm 2008 do tác động tiêu cực của cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu.

Trưởng phái đoàn EU tại Malaysia, Luc Vandebon, cho biết trong năm 2012, nguồn vốn FDI của EU vào Malaysia đạt khoảng 3,8 tỷ euro (hơn 4,9 tỷ USD). Ông Luc Vandebon cho rằng quan hệ thương mại giữa hai bên sẽ phục hồi bởi EU đang có dấu hiệu phát triển tốt lên. Liên minh châu Âu (EU) tin tưởng rằng đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) của khối vào Malaysia năm 2013 sẽ duy trì ít nhất ở mức tương đương năm 2012. Kim ngạch thương mại song phương EU - Malaysia ước đạt 35 tỷ euro (45,5 tỷ USD) năm 2012, trong đó Malaysia thặng dư thương mại 6 tỷ euro (7,8 tỷ USD) với EU. Sản xuất thiết bị điện tử và các sản phẩm chế tạo, công nghệ xanh, môi trường và quản lý rừng là những lĩnh vực EU quan tâm.

EU và Malaysia đang tiến hành các cuộc đàm phán về Hiệp định Hợp tác Đối tác (PCA), Hiệp định Thương mại tự do (FTA) và Hiệp định Đối tác thương mại Tự nguyện về gỗ (FLEGT VPA). Sau khi kết thúc, các thỏa thuận này sẽ tiếp tục củng cố mối quan hệ mạnh mẽ giữa hai bên. Malaysia hiện là đối tác thương mại lớn thứ hai của EU trong ASEAN, trong khi EU - bao gồm 27 nước thành viên - là đối tác thương mại lớn thứ tư của Malaysia. Hiện EU có 28 dự án với tổng số vốn đầu tư 91 triệu euro (hơn 118 triệu USD) đang được thực hiện ở Malaysia, chủ yếu tập trung vào các lĩnh vực nghiên cứu, giáo dục đại học, phát triển công nghệ và bảo vệ môi trường.

Những lĩnh vực mà các nước tập trung đầu tư tại Malaysia chủ yếu là về sản phẩm điện và điện tử, hóa chất, sản phẩm vật liệu kim loại cơ bản, sản phẩm làm bằng chất dẻo, các dụng cụ đo lường và phục vụ công tác nghiên cứu khoa học cũng như là máy móc và thiết bị.

Cùng với một số các nền kinh tế đang nổi khác như Braxin, Trung Quốc và Ấn Độ, Malaysia cũng được xem là một nguồn lực quan trọng của đầu tư trực tiếp nước ngoài ra ngoài (OFDI). Giám đốc Phan Ah Tong của văn phòng New York của Cơ quan phát triển

Công nghiệp Malaysia cho biết “Đầu tư xuyên biên giới đang trở nên ngày càng quan trọng, tạo ra nhu cầu kinh doanh mạo hiểm ngoài lãnh thổ địa lý của Malaysia nhằm mở rộng thị trường, nắm bắt các cơ hội đầu tư mới và đạt được công nghệ mới không chỉ ở các quốc gia đang phát triển mà còn ở các nền kinh tế phát triển”.

Trong khi chính phủ Malaysia trong quá khứ đã đặt trọng tâm nhiều vào thu hút nước ngoài vào Malaysia, chính phủ hiện nay lại đang giúp các công ty Malaysia đầu tư ra ngoài. Do Malaysia không còn cạnh tranh được về chi phí trong các ngành đòi hỏi nhiều lao động và các hoạt động giá trị gia tăng thấp, các công ty Malaysia hiện đang phải đối mặt với những thách thức mà các công ty đa quốc gia (MNC) đã gặp phải là chuyển hoạt động của công ty đến các quốc gia đang phát triển nhằm thu được lợi thế về chi phí sản xuất thấp hơn và nguồn lao động dồi dào. MIDA đang đóng vai trò quan trọng trong việc giúp đỡ các công ty trong việc tìm kiếm đối tác và dự án ở nước ngoài.

4. Cơ sở hạ tầng kinh tế

Phát thanh, truyền hình

- Số đài phát sóng truyền hình: 27
- Truyền hình mặt đất (Free-to-Air Channels)
 - RTM1
 - RTM2
 - TV3
 - ntv7
 - 8TV
 - TV9
 - Vision 4
- Truyền hình vệ tinh
 - Astro
- Truyền hình cáp
 - MiTV
 - Fine TV
- Kênh truyền hình trực tuyến của các đảng chính trị
 - wtv8.tv
 - umno.tv
 - PAS.tv
 - Malaysiakini.tv
- Đài phát thanh AM 35, FM 391, tần số ngắn 15. Khoảng 55 đài phát thanh tổng thể (2012)

Truyền thông - thông tin

Công ty điện thoại cố định duy nhất ở Malaysia là Telekom Malaysia Bhd. Công ty này đồng thời cung cấp các dịch vụ như mạng di động (Telekom Cellular Sdn Bhd đầu số 013), Internet và nhiều dịch vụ truyền thông đa phương tiện khác

Một vài mạng di động khác ở Malaysia là

- Celcom (M) Bhd (đầu số 019)
- DiGi Telecommunications Sdn Bhd (đầu số 016, 0146, 014-30, 014-31 và 014-32)
- Maxis Communications Bhd (đầu số 012, 017 và 0142)
- U Mobile (đầu số 018)

Số thuê bao cố định tính đến 2011 là 4.243.000

So với thế giới đứng thứ: 40

Số thuê bao di động tính đến 2012 là 36.661.000

So với thế giới đứng thứ: 30

Mã quốc gia: -60

4 nhà cung cấp dịch vụ Internet lớn nhất Malaysia là:

- Jaring
- TMNet
- Maxis.net
- Putra.net

Ngoài ra có

- Nasionet
- PersiaSYS
- Time
- DeconneXion

Các dịch vụ được cung cấp bởi các công ty này là dial-up, leased-line, Web hosting, đăng kí tên domain, virtual servers (máy server ảo), virtual private networks – VPNs (mạng tư nhân ảo), thương mại điện tử và xuất bản điện tử.

Máy chủ Internet: 422.470 (2012) xếp thứ 53 so với thế giới

Tính đến tháng 6 năm 2010 đã có 16,903 triệu người sử dụng Internet ở Malaysia xếp thứ 26 so với thế giới.

Giao thông vận tải

Từ khi giành độc lập, hệ thống vận tải Malaysia có sự cải thiện vượt bậc mặc dù nhu cầu thì vẫn bỏ xa khả năng đáp ứng. Thêm vào đó hệ thống cơ sở hạ tầng của Tây Malaysia được chú ý nhiều hơn Đông Malaysia. Mạng lưới đường bộ của Tây Malaysia bao gồm đường cao tốc và nhiều đường thứ yếu mặt cứng đặc biệt phát triển ở những bang công nghiệp cao. Trong khi đó mạng lưới đường bộ ở Đông Malaysia ít được mở rộng và ít được rải nhựa hơn. Hệ thống đường sắt nhỏ Malaysia hạn chế chủ yếu trong vùng Tây Malaysia và ít quan trọng hơn đường bộ.

Đường sông có vai trò rất lớn ở Đông Malaysia đặc biệt là ở Sarawak. Đường bờ biển dài và dễ tiếp cận giúp cho thương mại hàng hải phát triển. Nhiều cảng biển như George Town và Port Kelang trên eo biển Malacca trở thành điểm bốc dỡ container lớn, quan trọng. Rất nhiều cảng khác cũng được đầu tư mở rộng như cảng Kuantan trên bờ biển phía đông bán đảo, cảng Kuching ở Sarawak, và cảng Kota Kinabalu ở Sabah. Hàng không phát triển mạnh đặc biệt là vận tải hành khách ở vùng bán đảo. Mạng lưới đường bay trong nước nối tất cả các bang với nhau, Kuala Lumpur và Pinang có các sân bay quốc tế.

- Sân bay: 117 (2012) xếp thứ 49 so với thế giới
- Sân bay với đường băng được lát:
 - Tổng cộng: 39
 - Trên 3047 m: 8
 - 2,438 - 3,047 m: 9
 - 1,524 - 2,437 m: 6
 - 914 - 1,523 m: 8
 - Dưới 914 m: 8 (2012)
- Sân bay với đường băng được lát:

- Tổng cộng: 78
- 914 - 1,523 m: 7
- Dưới 914 m: 71 (2012)
- Sân bay trực thăng: 3 (2012)
- Đường sắt: 1.849 km xếp thứ 75 so với thế giới
 - Cỡ tiêu chuẩn: 57 km cỡ 1,435-m
 - Cỡ hẹp: 1792 km cỡ 1,000-m (2010)
- Đường bộ: 98.721 km
 - Được lát: 80,280 km (bao gồm 1,821 km đường cao tốc)
 - Không được lát: 18,441 km (2010)
- Đường sông: 7.200 km
 - Peninsular Malaysia 3,200 km;
 - Sabah 1,500 km;
 - Sarawak 2,500 km (2005)
- Đường ống:
 - Condensate: 282 km;
 - Dẫn gas: 5273 km;
 - Dẫn dầu: 1750 km;
 - Dầu/ gas/ nước: 19km;
 - Đường lọc dầu: 114 km (2010)

5. Các chỉ số kinh tế, thương mại cơ bản

GDP ngang giá sức mua: 492,4 tỷ USD (2012)

GDP theo tỷ giá thực: 307,2 tỷ USD

Tăng trưởng GDP: 4,5%

GDP bình quân đầu người: 16.900 USD

GDP đóng góp theo ngành:

- Nông nghiệp: 11,9%
- Công nghiệp: 41,2%
- Dịch vụ: 46,8%

Lực lượng lao động: 12,92 triệu người

Lực lượng lao động phân bổ theo ngành:

- Công nghiệp: 36%
- Nông nghiệp: 11,1%
- Dịch vụ: 53,5%

Tỷ lệ thất nghiệp: 3,2%

Đầu tư: 25,2% GDP

Thu chi ngân sách: Thu 59,22 tỷ USD, chi 75,31 tỷ USD

Tỷ lệ lạm phát: 1,9%

Tăng trưởng sản xuất công nghiệp: 1,4%

Kim ngạch xuất khẩu: 247 tỷ USD (FOB)

Kim ngạch nhập khẩu: 202,4 tỷ USD (CIF)

Dự trữ ngoại tệ và vàng: 140,4 tỷ USD

Tổng số vốn nước ngoài hiện đang đầu tư tại Singapore (tính đến 12/2009): 74,64 tỷ USD

Tổng số vốn Singapore đầu tư ra nước ngoài (tính đến 12/2009): 75,62 tỷ USD.

6. Quan hệ quốc tế

Chính sách đối ngoại của Malaysia nhằm những mục tiêu sau:

- 1) Phát triển quan hệ với các nước, thúc đẩy quan hệ hữu nghị vững chắc với các nước Đông Nam Á;
- 2) Thiết lập môi trường ổn định và hoà bình trong khu vực;
- 3) Đảm bảo và phát huy lợi ích kinh tế quốc tế của Malaysia thông qua việc thắt chặt quan hệ trực tiếp với các nước khác hoặc thông qua các diễn đàn đa phương.
- 4) Tăng cường hợp tác kinh tế với các nước đang phát triển thông qua sự ủng hộ mạnh mẽ và thúc đẩy quan hệ Nam-Nam.

Malaysia rất coi trọng quan hệ với các nước ASEAN; là một nước đề xướng việc lập khu vực hoà bình, tự do, trung lập (ZOPFAN- 1971) và nêu sáng kiến lập Diễn đàn kinh tế Đông Á (EAEC- 1990). Sau Hiệp định Paris về Campuchia 1991, Malaysia chủ trương mở rộng ASEAN và ủng hộ các nước Đông Dương tham gia tổ chức khu vực này. Malaysia đề cao sáng kiến EAEC.

Để phù hợp với những cam kết dựa trên khuôn khổ tự do hóa thương mại, Malaysia tiếp tục hạ các loại thuế nhập khẩu, tiến tới thực hiện biểu thuế CEPT từ 0,5% vào năm 2003. Malaysia coi chính sách thuế và phi thuế là công cụ chính để bảo hộ sản xuất trong nước, bao gồm việc duy trì chế độ giấy phép, chống bán phá giá và các biện pháp bảo hộ khác. Trong Khu vực Mậu dịch tự do ASEAN (AFTA), Malaysia có 96,6% dòng thuế cho các mặt hàng đưa vào Hiệp định chung về Ưu đãi thuế quan (CEPT), trong đó 97,1% đã ở mức 0%-5%; 60,4% đang ở mức 0%. *(Sáu nước thành viên cũ có 98,3 dòng thuế đưa vào CEPT).*

Malaysia luôn tranh thủ cá điều kiện ưu đãi của các nước phát triển để đẩy mạnh xuất khẩu, nhất là việc xuất khẩu theo chế độ GSP của Nhật, Hoa Kỳ, EU, và một số nước Đông Âu. Malaysia cũng luôn đấu tranh với các nước công nghiệp phát triển để bảo vệ quyền lợi của mình và các nước đang phát triển.

Malaysia phản đối các nước phát triển muốn gán thương mại với các vấn đề thuộc nhân quyền và phi thương mại khác, coi đó là hình thức bảo hộ trá hình của các nước phát triển, trong đó có các vấn đề về Tiêu chuẩn Lao động, Quy chế đầu tư, Chính sách Cạnh tranh, Chương trình mua sắm Chính phủ. Malaysia cũng quan tâm nhiều đến thị trường các nước láng giềng và khu vực, tăng cường hoạt động quan hệ hợp tác với các nước NAM-NAM.

Malaysia tham gia các tổ chức quốc tế sau: ABEDA, APEC, APT, ARF, AsDB, ASEAN, BIS, C, CP, FAO, G-15, G-77, IAEA, IBRD, ICAO, ICC, ICFTU, ICRM, IDA, IDB, IFAD, IFC, IFRCs, IHO, ILO, IMF, IMO, Interpol, IOC, ISO, ITU, MIGA, MINURSO, MONUC, NAM, OIC, ONUB, OPCW, PCA, UN, UNAMSIL, UNCTAD, UNESCO, UNIDO, UNMEE, UNMIK, UNMIL, UNMISSET, UPU, WCL, WCO, WFTU, WHO, WIPO, WMO, WToO, WTO.

Phần 3. Quan hệ hợp tác Việt Nam – Malaysia

1. Quan hệ ngoại giao

Việt Nam và Malaysia thiết lập quan hệ ngoại giao chính thức ngày 30 tháng 3 năm 1973.

Trước năm 1973, Malaysia chỉ có quan hệ với chính quyền Sài Gòn. Sau khi Việt Nam và Hoa Kỳ ký Hiệp định Paris, ngày 30/3/1973 Malaysia chính thức lập quan hệ ngoại giao với ta nhưng đồng thời vẫn giữ quan hệ với chính quyền Sài Gòn. Sau khi ta giải phóng miền Nam (1975), Malaysia là nước đầu tiên trong ASEAN công nhận chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam. Năm 1976, hai nước lập đại sứ quán ở thủ đô mỗi nước. Quan hệ hai nước băng giá khi ta đưa quân vào Campuchia (1979).

Từ cuối năm 1991, cùng với chuyển biến chung của cục diện quốc tế và khu vực, đặc biệt là việc ký Hiệp định Paris về Campuchia, cũng như việc ta triển khai chính sách đối ngoại đa phương hoá, đa dạng hoá, quan hệ Việt Nam - Malaysia đã chuyển sang một giai đoạn phát triển mới về chất và ngày càng được củng cố và phát triển trên nhiều lĩnh vực cả song phương cũng như trong khuôn khổ ASEAN.

Năm 1994 hai nước thiết lập quan hệ Đảng cầm quyền. Tháng 2/1994, Hội Hữu nghị Việt - Mã, Mã - Việt đã được lập ở mỗi nước. Tháng 9/1995, hai nước đã lập Ủy ban hỗn hợp Việt Nam - Malaysia. UBHH đã họp 3 kỳ (tại Kuala Lumpur tháng 9/1995, tại Hà Nội tháng 10/1996, tại Kuala Lumpur tháng 3/2003 và tại Hà Nội từ 9-10/3/2006). Quan hệ hữu nghị và hợp tác nhiều mặt giữa hai nước đang phát triển tốt đẹp. Hai nước đã trao đổi nhiều đoàn cấp cao và các cấp, các ngành. Các hoạt động trao đổi kinh tế, văn hóa liên tục diễn ra hàng năm.

Năm 2008, hai nước tổ chức kỉ niệm 35 năm thiết lập quan hệ ngoại giao Việt Nam - Malaysia

Các chuyến thăm cấp cao

Về phía ta có: Tổng Bí thư Đỗ Mười (3/1994); Chủ tịch nước Trần Đức Lương (18-20/3/1998); Thủ tướng Võ Văn Kiệt (1/1992, 7/1992 và 5/1994); Thủ tướng Phan Văn Khải dự Hội nghị cấp cao APEC (11/1998) và thăm chính thức (21-23/4/2004); Chủ tịch Quốc hội Nông Đức Mạnh (9/1996); Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Văn An (12/2002). Chủ tịch nước Trần Đức Lương dự Hội nghị cấp cao KLK (24-25/2/03). Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng dự Lễ kỷ niệm 50 năm Ngày Độc lập của Malaysia (30/8 - 01/9/2007); Bộ trưởng Quốc phòng Phùng Quang Thanh (13-16/8/2008); đồng chí Phạm Quang Nghị, UVBCT, Bí thư thành uỷ Hà Nội (18-20/9/2008); Ủy viên Trung ương Đảng, Tổng tham mưu trưởng Quân đội Nguyễn Khắc Nghiên dẫn đầu đoàn đại biểu quân sự cấp cao thăm hữu nghị chính thức Indônêxia và Malaysia (21-27/6/2009), Chủ tịch UBND Thành phố Hà Nội thăm Malaysia (3-5/11/2009), Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Phạm Bình Minh thăm chính thức Thái Lan, Bru-nây, và Malaysia (06-09/2/2012).

Về phía Malaysia có: Quốc vương Tuanku Abdul Rahman (12/1995); Thủ tướng Mahathir (4/1992, 3/1996 và Hội nghị Cấp cao ASEAN 6 tại Hà Nội 12/1998); Chủ tịch Thượng viện (11/1991); Tổng thư ký UMNO (7/1995 và dự Đại hội Đảng 8 của ta

7/1996) - là cấp cao nhất của các đảng cầm quyền trong các nước ASEAN dự Đại hội 8 của ta; Quốc vương Tuan ku Xi-ét Xi-ra-giu-din (12-16/12/2002) và Thủ tướng Áp-đu-la Ba-đa-uy (26/01/2004); Ngoại trưởng Xi-ét Ha-mít An-ba (thăm và chủ trì kỳ họp lần thứ 4 của UBHH hai nước từ 8-9/3/2006); Bộ trưởng Công thương Muhyiddin Yassin (27-29/7/08), BTNG Malaysia Rais Yatim (11/08), Chủ tịch Thượng viện (5-7/01/2009), Quốc vương Malaysia (12-15/3/2009), Tư lệnh Quốc phòng của Malaysia (25/03/2010), đại sứ Malaysia Lim Kim Eng (14-20/07/2011), cựu Thủ tướng Malaysia (1/10/2011),

Các hiệp định đã ký kết

Đến nay hai nước đã ký 13 Hiệp định hợp tác trên nhiều lĩnh vực như kinh tế, thương mại, khoa học kỹ thuật, hàng không, đầu tư, bưu điện và viễn thông, ngân hàng, du lịch, thanh niên, thể thao và nhiều Bản ghi nhớ (MOU) hợp tác khác.

1. Hiệp định về các chuyến bay giữa và qua lãnh thổ hai nước (ký ngày 15/10/1978)
2. Hiệp định khuyến khích và bảo hộ đầu tư (21/01/1992).
3. Hiệp định hàng hải (31/3/1992).
4. Hiệp định về hợp tác kinh tế, khoa học và kỹ thuật (20/4/1992).
5. Hiệp định hợp tác bưu chính viễn thông (20/4/1992).
6. Hiệp định thương mại (11/8/1992).
7. Hiệp định thanh toán song phương giữa Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Ngân hàng Quốc gia của Malaysia (3/1993).
8. Hiệp định hợp tác khoa học, công nghệ về môi trường (12/1993).
9. Hiệp định về hợp tác du lịch (13/4/1994).
10. Hiệp định về hợp tác văn hóa (1995)
11. Hiệp định tránh đánh thuế trùng và ngăn chặn trốn thuế thu nhập (07/9/1995).
12. Hiệp định về hợp tác thanh niên và thể thao (1996)
13. Hiệp định về miễn thị thực cho người mang hộ chiếu phổ thông (25/9/2001).
14. Tuyên bố chung về khổ hợp tác toàn diện trong thế kỷ 21 (4/ 2004)

Ngoài ra hai nước còn ký các Bản ghi nhớ (MOU):

- MOU về việc Malaysia viện trợ cho Việt Nam 1,72 tỷ RM (700.000 USD) để phát triển ngành cao su (1992)
- MOU về thăm dò khai thác dầu khí ở những vùng chồng lấn giữa hai nước (6/1992)
- MOU về hồi hương người tị nạn (24/01/1995)
- MOU về hợp tác thông tin (04/7/1995)
- MOU lập Ủy ban Hỗn hợp hai nước (9/1995).
- MOU về hợp tác lao động (1/12/2003)
- MOU về hợp tác giữa Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội và Sở giao dịch chứng khoán Bursa Malaysia (16/4/2007)
- MOU về hợp tác quân sự (14/08/2008)
- Bản ghi nhớ giữa Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Ngân hàng Negara Malaysia về việc trao đổi thông tin liên quan đến rửa tiền (7/10/2009).

2. Quan hệ hợp tác kinh tế - thương mại

Hiện tại, đối với Malaysia, Việt Nam là quốc gia đứng thứ 5 trong khu vực ASEAN về xuất khẩu và nhập khẩu. Trong khi đó, Malaysia đứng hàng thứ 3 trong khu vực về giá trị giao dịch thương mại với Việt Nam. Kim ngạch xuất nhập khẩu hai nước tăng liên tục trong nhiều năm qua và luôn đạt ở mức cao (trên 20%/năm). Thương mại trong 5 năm gần đây tăng trung bình 20%/năm, kim ngạch buôn bán hai chiều tăng từ 160 tỷ USD (năm 1992) lên 1,8 tỷ USD (năm 2004) và năm 2005 đạt kỷ lục 2,2 tỷ USD. Kim ngạch 11 tháng năm 2007 đạt 3,26 tỷ USD, tăng 15,65% so với cùng kỳ năm 2006. Năm 2009 kim ngạch thương mại hai chiều đạt 4,187 tỷ USD. Trong đó: XK từ Việt Nam sang Malaysia đạt 1,682 tỷ USD. Malaysia XK sang Việt Nam đạt 2,505 tỷ USD. Trong năm 2010, kim ngạch thương mại hai chiều đạt 5,506 tỷ (nhập khẩu 3,413 tỷ và xuất khẩu 2,093 tỷ). Năm 2011, Việt Nam nhập của Malaysia 3,919 tỷ USD, và xuất sang Malaysia 2,832 tỷ USD. Theo thống kê, kim ngạch thương mại giữa Việt Nam và Malaysia năm 2012 đạt hơn 7,9 tỷ USD, tăng 17% so với cùng kỳ năm 2011. Việt Nam xuất sang Malaysia lượng hàng hóa trị giá gần 4,5 tỷ USD và nhập khẩu hơn 3,4 tỷ USD, đạt xuất siêu 1,08 tỷ USD. Đây là năm đầu tiên trong 20 năm qua Việt Nam xuất siêu sang thị trường này.

Các mặt hàng xuất khẩu chính sang Malaysia trong năm 2012 bao gồm dầu thô, máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện, caosu, gạo, điện thoại, sắt thép các loại, phương tiện vận tải và phụ tùng, cà phê. Đứng đầu về kim ngạch xuất khẩu là mặt hàng dầu thô, đạt hơn 1 tỷ USD, chiếm 22,41%; tiếp đến là máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện đạt tổng giá trị gần 854,87 triệu USD, chiếm 19,01%; cao su đạt 564,14 triệu USD, chiếm 12,55%; gạo hơn 403,16 triệu USD, chiếm 8,97% và điện thoại các loại đạt gần 383,98 triệu USD, chiếm 8,54%.

Trong 3 tháng đầu năm 2013, kim ngạch thương mại Việt Nam – Malaysia tăng 36%. Việt Nam xuất khẩu sang Malaysia lượng hàng hóa trên 1,1 tỷ USD trong khi nhập khẩu từ Malaysia đạt hơn 990 triệu USD. Như vậy Việt Nam xuất siêu 162 triệu trong buôn bán với Malaysia. Các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của Việt Nam sang Malaysia là dầu thô, sản phẩm điện tử, linh kiện, điện thoại và linh kiện điện thoại, cao su. Đứng đầu kim ngạch xuất khẩu là dầu thô, đạt 327,3 triệu USD, sản phẩm điện tử và linh kiện đạt tổng giá trị gần 250,3 triệu USD, và cao su đạt 90,6 triệu USD.

Bảng tổng hợp các mặt hàng chủ yếu Việt Nam xuất khẩu sang Malaysia năm 2012 và 3 tháng đầu năm 2013

STT	Mặt hàng chủ yếu	ĐVT	Trị giá (USD)	
			Năm 2012	3T/2013
1	Hàng thủy sản	USD	53.866.733	12.700.887
2	Hàng rau quả	USD	17.024.150	7.506.918
3	Hạt điều	Tấn	1.213.752	
4	Cà phê	Tấn	55.372.089	18.103.248
5	Hạt tiêu	Tấn	5.084.175	2.131.251
6	Gạo	Tấn	403.157.905	28.261.375
7	Sắn và các sản phẩm từ sắn	Tấn	13.055.264	2.953.051
8	Bánh kẹo và các sản phẩm từ ngũ cốc	USD	8.430.773	1.710.549
9	Than đá	Tấn	16.783.872	6.377.921

10	Dầu thô	Tấn	1.007.694.912	327.278.944
11	Xăng dầu các loại	Tấn	63.744.899	14.308.612
12	Quặng và khoáng sản khác	Tấn	5.749.804	1.627.305
13	Hóa chất	USD	7.767.370	1.244.485
14	Sản phẩm hóa chất	USD	37.274.137	9.293.611
15	Chất dẻo nguyên liệu	Tấn	10.060.542	3.422.362
16	Sản phẩm từ chất dẻo	USD	45.113.373	11.917.710
17	Cao su	Tấn	564.142.517	90.620.655
18	Sản phẩm từ cao su	USD	7.123.213	2.107.606
19	Túi xách, ví, vali, mũ và ô dù	USD	3.052.734	1.073.385
20	Gỗ và sản phẩm gỗ	USD	30.298.227	5.645.309
21	Giấy và các sản phẩm từ giấy	USD	19.791.500	3.998.583
22	Hàng dệt, may	USD	43.417.986	10.678.626
23	Giày dép các loại	USD	25.645.356	7.399.784
24	Sản phẩm gốm, sứ	USD	26.084.737	4.501.583
25	Sắt thép các loại	Tấn	156.924.185	24.382.496
26	Sản phẩm từ sắt thép	USD	24.703.988	44.025.747
27	Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	USD	854.867.430	250.259.433
28	Máy móc, thiết bị, dụng cụ phụ tùng khác	USD	77.533.062	17.318.457
29	Dây điện và dây cáp điện	USD	2.793.678	735.343
30	Phương tiện vận tải và phụ tùng	USD	89.431.155	17.109.457

Nguồn: Tổng cục hải quan Việt Nam

Năm 2012, kim ngạch xuất khẩu của Malaysia sang thị trường Việt Nam đạt 2,505 tỷ USD là đối tác cung cấp hàng hóa lớn thứ 3 sau Thái Lan và Singapore trong khu vực ASEAN. Tính đến hết tháng 11 năm 2010, Việt Nam nhập khẩu từ Malaysia 2,993 tỷ USD.

Trong khi đó, Việt Nam nhập khẩu chủ yếu từ Malaysia sản phẩm điện tử và linh kiện với giá trị hơn 662 triệu USD, chiếm 19,1%; dầu mỡ động thực vật với 508 triệu USD, chiếm 14,9%; chất dẻo nguyên liệu 276 triệu USD, chiếm 8,09%; xăng dầu 255,56 triệu USD, chiếm 7,49% và máy móc thiết bị 228 triệu USD, chiếm 6,68%.

Bảng tổng hợp các mặt hàng chủ yếu Việt Nam nhập khẩu từ Malaixia năm 2012 và 3 tháng năm 2013

STT	Mặt hàng chủ yếu	ĐVT	Trị giá (USD)	
			Năm 2012	3T/2013
1	Hàng thủy sản	USD	5.468.627	1.807.743
2	Sữa và sản phẩm sữa	USD	42.634.116	11.884.142
3	Hàng rau quả	USD	2.836.257	621.003
4	Dầu mỡ động thực vật	USD	508.347.620	96.963.405
5	Bánh kẹo và các sản phẩm từ ngũ cốc	USD	22.434.553	6.833.795
6	Thức ăn gia súc và nguyên liệu	USD	23.403.456	7.262.323

Hồ sơ thị trường Malaysia

7	Nguyên phụ liệu thuốc lá	USD	5.844.236	2.605.924
8	Xăng dầu các loại	Tấn	255.562.911	78.079.230
9	Khí đốt hóa lỏng	Tấn	4.898.539	
10	Sản phẩm khác từ dầu mỏ	USD	79.386.034	16.003.107
11	Hóa chất	USD	175.696.720	36.280.976
12	Sản phẩm hóa chất	USD	133.699.127	29.294.898
13	Dược phẩm	USD	7.517.944	2.045.122
14	Phân bón các loại	Tấn	7.581.453	470.319
15	Thuốc trừ sâu và nguyên liệu	USD	7.418.696	2.961.951
16	Chất dẻo nguyên liệu	Tấn	276.167.323	64.379.829
17	Sản phẩm từ chất dẻo	USD	72.395.835	16.661.499
18	Cao su	Tấn	7.322.895	1.208.505
19	Sản phẩm từ cao su	USD	27.718.963	6.547.683
20	Gỗ và sản phẩm gỗ	USD	88.992.594	20.064.959
21	Giấy các loại	Tấn	32.891.575	8.073.334
22	Sản phẩm từ giấy	USD	8.953.486	2.197.500
23	Xơ, sợi dệt các loại	Tấn	36.133.901	9.126.602
24	Vải các loại	USD	48.174	13.300.023
25	Nguyên phụ liệu dệt, may, da, giày	USD	20.744	4.935.338
26	Sắt thép các loại	Tấn	96.684.296	13.470.663
27	Sản phẩm từ sắt thép	USD	48.261.748	7.468.314
28	Kim loại thường khác	Tấn	88.494.857	22.512.656
29	Sản phẩm từ kim loại thường khác	USD	14.040.404	2.972.654
30	Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	USD	662.061.318	226.886.253
31	Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác	USD	319.495.515	74.819.828
32	Dây điện và dây cáp điện	USD	39.870.281	9.504.400
33	Linh kiện, phụ tùng ô tô	USD	14.346.813	3.942.785
34	Linh kiện, phụ tùng xe máy	USD	4.410.055	2.008.484
35	Phương tiện vận tải khác và phụ tùng	USD	1.215.040	288.143

Nguồn: Tổng cục hải quan Việt Nam

Các mặt hàng XK chủ yếu của Việt Nam sang Malaysia:

Nhóm thủy hải sản: Nhu cầu tiêu thụ thủy hải sản tại Malaysia ngày một tăng, hiện đang ở mức 45 kg/người/năm, dự báo năm 2010 tăng lên mức 61 kg/năm. Hàng năm, Malaysia nhập khẩu trên 300 ngàn tấn hải sản các loại nhưng Malaysia cũng XK khoảng trên 30 ngàn tấn. Kim ngạch xuất khẩu thủy sản Việt Nam sang Malaysia trong năm 2009 đạt 31,68 triệu USD, trong 11 tháng năm 2010 đạt 27,622 triệu USD.

Máy móc thiết bị: Kim ngạch XK các mặt hàng này đứng thứ 2 XK của Việt Nam sang Malaysia (đứng sau dầu thô). Nhìn chung nhóm các mặt hàng này vẫn tăng trong những năm tới ở mức cao khoảng 15- 20%, đặc biệt đối với các mặt hàng điện tử vì Malaysia đứng thứ 3 thế giới về XK linh kiện điện tử (sau Hoa Kỳ và Nhật). Các doanh nghiệp có vốn đầu tư của Malaysia tại Việt Nam đã sản xuất nhiều chi tiết linh kiện và là các vệ tinh

cho ngành công nghiệp điện tử Malaysia. Năm 2009 kim ngạch xuất khẩu của nhóm hàng này đạt 53,11 triệu USD, trong 11 tháng năm 2010 đạt 64,58 triệu USD.

Nhóm đồ gỗ: Các mặt hàng trong nhóm này cũng liên tục tăng trong những năm gần đây. Trong năm 2009 kim ngạch xuất khẩu đồ gỗ của Việt Nam sang thị trường Malaysia đạt 13,97 triệu USD. Trong 11 tháng năm 2010 giá trị xuất khẩu của nhóm hàng này tăng gần gấp đôi đạt 27,096 triệu USD.

Dự báo kim ngạch các mặt hàng này tăng mạnh trong những năm qua và dự kiến vẫn sẽ đạt từ 15- 20% trong vài năm tới.

Nông nghiệp

-
- Lạc nhân: Trước đây, hàng năm Việt Nam XK 10.000 – 13.000 tấn sang Malaysia. Tuy nhiên, sản phẩm có một số hạn chế như phẩm chất không đồng đều so với lạc Trung Quốc, Ấn Độ, độ ẩm không chế chưa tốt, có khi vượt mức 9%, dễ bị mốc trong quá trình vận chuyển, hàm lượng aflatoxin có khi vượt mức 5 PPB, không đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm. Tuy nhiên, người tiêu dùng Malaysia vẫn rất có ấn tượng với lạc Việt Nam vì ăn ngon hơn.
- Gạo: Malaysia mới tự túc được khoảng 70% nhu cầu, và hàng năm NK 150 - 200 ngàn tấn. Tương lai ta vẫn có thể tiếp tục bán gạo sang thị trường này vì ngoài tiêu thụ trong nước bạn còn xuất sang nước khác như các đảo lân cận của Indônêxia và Fiji. Gạo và các sản phẩm ngũ cốc nhập từ Việt Nam chiếm khoảng 3,5% thị phần NK của Malaysia. Tuy nhiên, ta cũng cần lưu ý là xu hướng tiêu thụ gạo cao cấp dự kiến cũng sẽ tăng và việc dần tăng cường kiểm soát giá gạo sẽ được coi như một sự khuyến khích mở rộng sản xuất trong nước vào mặt hàng này. Chính phủ Malaysia cũng khuyến khích đầu tư ra nước ngoài để tạo nguồn cung cấp cho nhu cầu trong nước. Hiện nay đã có một số công ty liên doanh chế biến gạo ở Việt Nam bán sang các siêu thị ở Malaysia, điển hình là gạo mang nhãn hiệu “Vĩnh Long”.

Thủ công mỹ nghệ: Việt Nam cũng đã tham gia cung cấp mặt hàng này nhưng thị phần hạn chế và giá kém cạnh tranh. Có thể đây là một số nguyên nhân làm cho kim ngạch mặt hàng này giảm trong vài năm gần đây.

3. Hợp tác đầu tư

Hiện Malaysia đứng thứ ba trong số các quốc gia và vùng lãnh thổ đầu tư vào Việt Nam với những dự án rất lớn như dự án thép của tập đoàn Lion với số vốn đăng ký đạt 9,8 tỷ USD. Tính đến hết năm 2009, Malaysia có 337 dự án đầu tư vào Việt Nam với tổng vốn đăng ký khoảng 18,06 tỷ USD (đứng thứ 3 sau Hàn Quốc và Đài Loan). Ta đầu tư vào Malaysia 7 dự án với số vốn 812, 427 triệu USD.

Vốn đầu tư tập trung vào các lĩnh vực như xây dựng, điện, nước và khí ga, cơ khí, ngân hàng... Một trong những nhà đầu tư đáng chú ý nhất của Malaysia tại Việt Nam là Petroliaam Nasional Bhd (Petronas) đã hợp tác với Petro Vietnam thăm dò, khai thác dầu từ năm 1991. Ngoài ra còn có nhiều DN Malaysia khác thành công tại Việt Nam như IGB

xây dựng khách sạn New World ở TP.HCM, Tập đoàn bán lẻ Parkson (Lion Group), khách sạn Sheraton (Hà Nội) của Tập đoàn Faber, Nhà máy cao su APL...

Tháng 4/2010 vừa qua, Bộ Công Thương Việt Nam và Công ty Janakuasa (Malaysia) đã ký biên bản ghi nhớ về việc phát triển dự án Nhiệt điện BOT Duyên Hải 2 (tỉnh Trà Vinh) với tổng vốn đầu tư khoảng 1,5 tỷ USD, công suất 1.200MW. Từ việc ký biên bản ghi nhớ này, các bên đối tác sẽ có cơ sở chính thức để triển khai việc đàm phán ký kết các hợp đồng liên quan, trong đó có hợp đồng mua bán điện. Theo dự kiến, Janakuasa sẽ khởi công xây dựng nhà máy vào năm 2011 và nhà máy sẽ đi vào sản xuất trong năm 2014 hoặc 2015. Cũng trong lĩnh vực phát triển năng lượng Công ty JAKS Resources Berhad (Malaysia) đã ký kết 4 biên bản ghi nhớ với các đối tác Việt Nam để xây dựng hai nhà máy nhiệt điện 600MW tại tỉnh Hải Dương với vốn đầu tư dự kiến 2 tỷ USD. Việc xây dựng của dự án dự kiến bắt đầu vào quý IV/2010, trong đó nhà máy 600MW đầu tiên dự kiến sẽ bắt đầu hoạt động thương mại vào quý IV/2014, tiếp theo là nhà máy 600MW sẽ hoạt động trong quý II/2015. Dự án sẽ đóng góp khoảng 10% nhu cầu điện năng hiện tại cho lưới điện quốc gia để giảm bớt thiếu hụt cho các ngành công nghiệp của Việt Nam đang phát triển nhanh chóng.

Tính đến hết năm 2012, Malaysia đứng thứ 8 trong tổng số 92 nước và đứng thứ 2 trong các nước Đông Nam Á có đầu tư trực tiếp tại Việt Nam với tổng số 428 dự án, tổng số vốn đăng ký trên 10,1 tỷ USD.

Trong quan hệ hợp tác kinh tế thương mại song phương, Bộ Công Thương Việt Nam và Bộ Thương mại Quốc tế và Công nghiệp Malaysia đã không ngừng xây dựng và hoàn thiện các chính sách, cơ chế tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp hai nước trong việc tìm hiểu thị trường, khai thác tiềm năng kinh tế và tranh thủ cơ hội kinh doanh.

4. Hợp tác phát triển

Hợp tác an ninh-quốc phòng

Đang ngày càng phát triển cả trên cơ sở song phương và trong khuôn khổ ASEAN giúp đem lại lợi ích thiết thực cho mỗi bên.

- Về An ninh: Quan hệ giữa Bộ Công an Việt Nam và Bộ Nội vụ Malaysia chính thức được thiết lập tháng 4/1994. Năm 1998, Tổng cục Tình báo Bộ Công an đã lập quan hệ hợp tác với Cơ quan Tình báo Malaysia. Hai bên trao đổi một số đoàn.
- Về Quốc phòng: Từ năm 1998, hai nước đã mở văn phòng Tuỳ viên quốc phòng tại ĐSQ mỗi nước. Hai nước đã ký Bản ghi nhớ về hợp tác quốc phòng song phương năm 2008. Hai nước chú trọng tăng cường các hoạt động nhằm triển khai Ghi nhớ về “Hợp tác Quốc phòng song phương” ký tháng 8/2008 nhân chuyến thăm của Bộ trưởng Quốc phòng Phùng Quang Thanh; tích cực trao đổi các chuyến thăm lẫn nhau. Đoàn Tư lệnh Hải quân Malaysia thăm Việt Nam (tháng 2/2009). Ủy viên Trung ương Đảng, Tổng tham mưu trưởng Quân đội Nguyễn Khắc Nghiên thăm Malaysia tháng 6/2009. Tàu thuyền hai nước ghé thăm cảng của nhau (02 tàu Malaysia thăm cảng HCM từ 2-5/10/2009; 2 tàu của ta sang thăm và giao lưu tại Malaysia từ 14-17/10/2009).

Hợp tác giáo dục

Hai nước ký MOU về hợp tác giáo dục trong chuyến thăm chính thức Malaysia của Thủ tướng Phan Văn Khải tháng 4/2004. Hàng năm Malaysia cấp học bổng đại học và cao học cho sinh viên ta; tổng số học bổng tính đến năm 2007 là 74 suất (bao gồm học bổng chính phủ và học bổng do các tập đoàn kinh tế lớn của Malaysia như Petronas cấp). Bên cạnh đó, theo chương trình hợp tác thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các nước ASEAN, Malaysia dành cho Việt Nam khoảng 20-30 học bổng ngắn hạn mỗi năm. Tính đến nay có khoảng hơn 300 lưu học sinh đang học tập và nghiên cứu tại Malaysia (trong đó có khoảng 150 người qua kênh của Bộ Giáo Dục và Đào tạo).

Hợp tác lao động

Chính phủ Malaysia chính thức mở cửa thị trường lao động cho ta từ năm 2002 và nhất trí đưa vấn đề lao động thành một lĩnh vực hợp tác mới giữa hai nước. Hai nước đã ký Thỏa thuận (MOU) cấp Chính phủ về hợp tác lao động vào 01/12/2003. Đây tiếp tục là lĩnh vực hợp tác tiềm năng của hai nước. Trước tác động khủng hoảng kinh tế tài chính vừa qua, số lao động của ta sang Malaysia cũng bị ảnh hưởng (từ đầu năm 2009 đến nay giảm khoảng hơn 2800 lao động. Gần đây, bạn bắt đầu mở lại thị trường lao động cho ta trong lĩnh vực điện tử.

Hợp tác trên biển

Malaysia đang tích cực phối hợp với ta chuẩn bị tốt báo cáo chung về ranh giới ngoài thềm lục địa vượt quá 200 hải lý (hai nước đã hoàn thành báo cáo này ngày 6/5/2009 và trình lên LHQ lần 1 ngày 27/8/09).

Về hợp tác trong một số lĩnh vực khác:

- Dầu khí: Petrovietnam đã có quan hệ hợp tác với Công ty dầu khí quốc gia Malaysia (Petronas) trên 15 năm trong tất cả các lĩnh vực của ngành công nghiệp dầu khí từ tìm kiếm thăm dò, khai thác, chế biến đến phân phối sản phẩm. Petronas luôn được đánh giá là một trong các đối tác chiến lược quan trọng của Petrovietnam.
- Về việc triển khai tham gia Hiệp hội sản xuất cao su gồm Malaysia, Thái Lan và In-đô-nê-xia (TRC), phía Malaysia nói sau này khi TRC đã đi vào hoạt động ổn định, sẽ mời Việt Nam và một số nước sản xuất cao su khác tham gia.
- Về lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn: Malaysia là thị trường nhập khẩu hàng nông sản và thủy sản ổn định của Việt Nam.
- Về lĩnh vực dầu ăn, sản xuất chai lọ thủy tinh, may mặc, thuốc lá, hoá chất: hai bên đã thành lập được nhiều công ty liên doanh trong các lĩnh vực này và hiện hoạt động rất hiệu quả.
- Về xuất nhập khẩu than: mỗi năm tập đoàn than, khoáng sản Việt Nam (Vinacomin) xuất được khoảng 135.000 tấn than sang Malaysia.
- Về Văn hóa: Hai nước tiến hành trao đổi các đoàn nghệ thuật biểu diễn nhân các dịp lễ

của hai nước và trao đổi các đoàn cán bộ nghiên cứu trong lĩnh vực thư viện và di sản văn hóa.

- Về thể dục-thể thao: Việt Nam và Malaysia là các nước thành viên của Liên đoàn Thể thao Đông Nam Á, thường xuyên có quan hệ hợp tác chặt chẽ trên tất cả các lĩnh vực về thể dục thể thao như trao đổi đoàn, thi đấu, tập huấn, trao đổi chuyên viên, huấn luyện viên, vận động viên, tham gia các khóa đào tạo, tham dự hội nghị về thể dục thể thao được tổ chức ở mỗi nước.

- Về du lịch: Kể từ khi hai nước miễn thị thực cho công dân mang hộ chiếu phổ thông, lượng du khách Malaysia đến Việt Nam tăng nhanh (năm 2006 là 105.558 lượt; năm 2007 là 153.507 lượt, năm 2008 là 174.008 lượt, tính đến tháng 11/2009 là 146.206 lượt). Bên cạnh đó, hiện Malaysia có 12 dự án đầu tư vào lĩnh vực du lịch với tổng số vốn đăng ký 257,4 triệu USD.

Phần 4. Một số điều cần biết khi kinh doanh với Malaysia

1. Các quy định về xuất nhập khẩu

Chứng từ nhập khẩu

Tất cả hàng hoá nhập khẩu (kể cả hàng không bị đánh thuế nhập khẩu) đều phải khai báo theo mẫu tờ khai quy định và nộp cho các cơ quan thuế quan tại địa điểm nhập khẩu.

Dưới đây là các loại mẫu tờ khai được quy định:

- Mẫu hải quan số 1: Tờ khai hàng nhập khẩu
- Mẫu hải quan số 2: Tờ khai hàng xuất khẩu
- Mẫu hải quan số 3: Tờ khai hàng quá cảnh trong phạm vi liên bang / Malaysia
- Mẫu hải quan số 8: Tờ khai hàng quá cảnh, mượn đường
- Mẫu hải quan số 9: Giải phóng hàng/Giấy thông quan
- Lệnh giao hàng
- Phiếu đóng gói (thể hiện chi tiết hàng hóa và thuận tiện hơn cho thủ tục khai báo hải quan)
- Hoá đơn thương mại bản gốc Yêu cầu phải có 2 bản do nhà xuất khẩu ký, thể hiện những nội dung sau:
 - Số kiện hàng
 - Ký mã hiệu và số của những gói hàng
 - Miêu tả chi tiết về hàng hóa
 - Số lượng hàng, trọng lượng tổng, trọng lượng tịnh của hàng hóa
 - Trị giá FOB và trị giá CIF
 - Nước xuất xứ
 - Tên cảng đi và cảng đến của hàng hóa.
- Vận đơn đường biển (Yêu cầu phải có vận đơn gốc và tối thiểu 2 vận đơn copy)
- Giấy chứng nhận xuất xứ *thể hiện những nội dung sau*:
 - Miêu tả về hàng hóa.
 - Tổng trị giá hóa đơn.
 - Chữ ký của chủ hàng, đối tác hoặc người đại diện (tên, chữ ký và địa chỉ trụ sở).
- Các giấy chứng nhận liên quan đến kiểm dịch động thực vật (nếu cần)
- Giấy chứng nhận đặc biệt
 - Thực vật sống và thực vật dùng cho mục đích nhân giống yêu cầu phải có giấy chứng nhận kiểm dịch được cấp bởi Cơ quan chức năng có thẩm quyền của nước xuất xứ.
 - Mỡ động vật dùng cho sản xuất công nghiệp cần phải có giấy chứng nhận đã khử trùng cấp bởi Cơ quan chức năng nước xuất xứ.
 - Rượu whisky hoặc rượu mạnh trên giấy chứng nhận phải ghi rõ số tuổi của rượu, ít nhất là 3 năm.
 - Giấy chứng nhận phải theo đúng mẫu hải quan quy định và phải có chữ ký tay.

Giấy phép nhập khẩu

Giấy phép nhập khẩu là điều bắt buộc đối với một số mặt hàng, trong đó có vũ khí và chất nổ, xe có động cơ, một số loại dược phẩm và hoá chất, cây trồng, đất, quặng thiếc, tinh quặng, một số thực phẩm... Tháng 10/1997, Malaysia đã đặt ra chế độ cấp phép hạn chế đối với thiết bị xây dựng nặng nhập khẩu. Tháng 4/1999, Malaysia đặt ra thêm một yêu cầu cấp phép khác đối với một số mặt hàng. Nhập khẩu một số đồ điện tử gia dụng buộc phải có giấy phép nhập khẩu vì những ký do an toàn.

Các mặt hàng cấm nhập khẩu

- Bất kỳ mặt hàng nào in hay sao chép giấy bạc, tiền ngân hàng hay tiền xu tại thời điểm hiện tại hoặc bất kỳ thời điểm lưu hành nào tại bất kỳ nước nào
- Bất kỳ hình vẽ hay thiết bị nào được sử dụng gây tổn hại đến lợi ích của Malaysia hoặc khuyến khích gây tổn hại hoặc không phù hợp với nền hoà bình, phúc lợi xã hội hoặc trật tự kỷ cương tại Malaysia
- San hô, kể cả còn sống và đã chết, trừ những sản phẩm đã qua chế biến và được sử dụng là đồ trang sức
- Tất cả các loại cá piranha
- Trứng rùa
- Nút, bút chì và tất cả các vật phẩm có hình giống ống tiêm
- Hạt cacao, chôm chôm, pulasan, nhãn và quả namnam được sản xuất tại Philippine và Indonesia
- Các ấn phẩm, tranh ảnh, sách, thiệp, bản in bằng đá hoặc các hình chạm trổ đồi trụy, hoặc bất kỳ vật phẩm đồi trụy nào
- Rượu mạnh có chứa chì trên 3,46 mg/lít dạng đồng hoặc bất kỳ hợp chất nào của đồng
- Dao găm và dao bấm
- Các phương tiện truyền thông có khả năng nhận sóng radio trong phạm vi 68-87 Mhz và 108-174 Mhz trừ những sản phẩm được thiết kế để nhận sóng khí tượng trong các tần số được phát
- Nguyên tố thạch tín
- Vải, quần áo có in hoặc sao chép các bài thơ trong kinh Côran
- Tất cả mặt hàng từ Haiti
- Các loại hoá chất độc hại gồm: Crocidolite, Polybrominated biphenyls, Polychlorinated biphenyls, Polychlorinated terphenyls, Tris (2,3 dibromopropyl) phosphate.

Hạn chế nhập khẩu

- Kim cương và trang sức làm bằng kim cương (trừ các mặt hàng có chất lượng nhất định là trang sức cá nhân nhập khẩu theo phương thức là một phần trong hành lý cá nhân đến Malaysia từ một nước khác và được sử dụng cho mục đích cá nhân);
- Mìn có vỏ;
- Thịt, tươi sống hoặc được bảo quản, xương, da sống, bì, móng, sừng, đuôi động vật;
- Gia cầm;

- Động vật sống - động vật có tay, gồm khỉ không đuôi, khỉ, vượn cáo galagos, vượn cáo châu Phi ... ;
- Chất nổ;
- Pháo hoa (kể cả pháo đốt);
- Đồ chơi bắt chước vũ khí như súng ống các loại; bắt chước lựu đạn cầm tay;
- Vũ khí đạn dược trừ vũ khí đạn dược cá nhân được khách du lịch có quyền mang theo;
- Áo chống đạn, mũ sắt và các mặt hàng vải vóc khác được sử dụng để chống tấn công;
- Đất trồng và các loài gây hại gồm sâu bọ sống, chuột, ốc sên và vi khuẩn gây bệnh cho cây trồng;
- Mũ bảo hiểm (trừ loại dùng cho người đi xe máy hoặc mô tô);
- Máy video, trừ trò chơi video sử dụng với tivi;
- Xe gắn máy;
- Cải bắp (loại tròn);
- Xà bông in hoa;
- Gạo và bột chứa gạo bao gồm bột gạo, gạo xát, gạo cám và mì;
- Gỗ thô;
- Máy copy một màu;
- Tất cả các mặt hàng từ Israel;
- Ăng ten parabol sử dụng ngoài trời;
- Tiền xu hoặc đĩa dùng cho máy chơi game;
- Thiết bị parabol, cổng ăngten và các thiết bị thu sóng vệ tinh, sóng video và định vị ăngten;
- Thiết bị điện tử gia dụng như Hi-Fi, bàn là phẳng điện tử, máy trộn thức ăn, máy sấy tóc, nồi cơm điện, ấm điện...;
- Thiết bị truyền thông radio;
- Máy sao chép tốc độ cao.

Tạm nhập

Mục 97 Đạo luật thuế quan 1967 cho phép các giám đốc hải quan thuế quan cho hàng hoá nhập khẩu tạm thời vào Malaysia không phải trả thuế.

Khoản 21, 21A, 52, 58, 65, 114, 118 và 119 của Chỉ thị thuế quan (phần miễn trừ thuế) năm 1988 và khoản 21, 29, 56, 62, 71, 73, 82, 94, 95, và 96 của Mục lục B, thuế doanh thu (phần miễn trừ thuế) năm 1980 cũng đã đề cập đến việc miễn trừ thuế quan và thuế doanh thu đối với hàng hoá nhập khẩu tạm thời.

Việc áp dụng đối với hàng hoá nhập khẩu tạm thời phải được chuyển đến Giám đốc hải quan của bang tại địa điểm nhập khẩu. Chứng nhận hàng hoá nhập khẩu tạm thời theo thời hạn ba tháng. Việc gia hạn sẽ được phép chỉ trong những trường hợp cụ thể. Áp dụng gia hạn sẽ được nộp cho cơ quan có thẩm quyền chứng nhận hàng nhập khẩu tạm thời.

Các mặt hàng trang sức dùng cho triển lãm cũng được coi là các mặt hàng nhập khẩu tạm thời như sau:

- Triển lãm phải được tổ chức trong khu vực kho ngoại quan.

- Người tổ chức triển lãm phải có các biện pháp đảm bảo (qua ngân hàng) về số lượng gấp đôi số tiền thuế phải trả.
- RCEM chỉ chấp nhận các thư bảo lãnh do ngân hàng địa phương phát hành cho các mặt hàng nhập khẩu tạm thời.

Nhập khẩu hàng mẫu và tài liệu quảng cáo

Malaysia đã tham gia hiệp ước ATA. Các mặt hàng được đề cập đến trong hiệp ước này đồng thời là những mặt hàng được đề cập trong Hệ thống áp dụng thẻ ATA:

- Hàng mẫu thương mại và phim quảng cáo
- Hàng dùng cho triển lãm quốc tế
- Thiết bị chuyên dụng

Các mặt hàng không được đề cập đến trong hệ thống ATA:

- Các mặt hàng đã được bán hoặc giao bán
- Đồ trang trí sân khấu ...
- Đồ uống có cồn, thuốc lá và nguyên liệu ...
- Hàng hoá dùng cho chế biến hoặc sửa chữa.

ATA được gia hạn đến 12 tháng kể từ ngày phát hành cho hàng mẫu hàng thương mại, hàng triển lãm và thiết bị chuyên dụng. Nếu vi phạm thời hạn này hàng hóa tạm nhập sẽ phải chịu thuế và phí phạt, kể cả chứng minh được hàng hoá cuối cùng được tái xuất.

Hàng hoá được nhập khẩu theo ATA carnet phải được tái xuất trong thời hạn đã chứng nhận tạm nhập. Hàng hoá này không được bán hoặc chuyển quyền sở hữu. Việc giám sát thuộc trách nhiệm của người giữ ATA nhằm đảm bảo việc trả thuế và trả phí phạt. Áp dụng ATA phải do cơ quan có thẩm quyền sau đây thực hiện:

Phòng Thương mại và Công nghiệp Quốc tế Malaysia (MICCI)

Tingkat 10

Wisma Damansara

Jalan Samanathan

50490 Kuala Lumpur

Malaysia

2. Chính sách thuế và thuế suất

Hệ thống thuế

Hệ thống thuế ở Malaysia được luật pháp liên bang soạn thảo và được Quốc hội thông qua. Nhưng bộ luật chính về thuế là

- Luật thuế lợi tức – 1967
- Luật thuế thu nhập thực tế từ tài sản – 1976
- Luật thúc đẩy Đầu tư – 1986
- Luật thuế Doanh thu dầu khí – 1967
- Luật thuế hoạt động kinh doanh ngoài khơi Labuan – 1990 (một chế độ thuế ưu đãi cho các công ty hoạt động kinh doanh ngoài khơi)

Một số sáng kiến về thuế đã được Chính phủ Malaysia đưa ra để khuyến khích đầu tư của người nước ngoài và các ngành công nghiệp ưu tiên, nhất là những dự án có vốn mở rộng, có giá trị cao và cần đến những công nghệ mới và cấp thiết. Các sáng kiến này rất có ích cho nhà đầu tư theo Luật khuyến khích đầu tư –1986.

Thuế gián tiếp gồm có thuế nhập khẩu và xuất khẩu, thuế bán hàng và dịch vụ, thuế hàng nội địa, thuế tài sản, thuế giải trí, thuế đường sá.

Hiệp định tránh đánh thuế hai lần

Malaysia có một hệ thống các hiệp định về thuế toàn diện và đã ký kết 48 hiệp định về thuế. Chính sách về hiệp định thuế của Malaysia nhằm tránh đánh thuế hai lần và khuyến khích nước ngoài trực tiếp đầu tư. Các hiệp định thuế của Malaysia tham khảo hiệp ước mẫu của Tổ chức vì Hợp tác kinh tế và phát triển với một số điều chỉnh.

Diễn hình là các hiệp định thuế định nghĩa một cơ sở thường trực là một địa điểm kinh doanh cố định qua đó thực hiện một phần hoặc toàn bộ công việc kinh doanh của một xí nghiệp và bao gồm cả địa điểm quản lý, một chi nhánh, văn phòng v.v... hoạt động. Các hoạt động giám sát được thực hiện ở Malaysia gắn liền với việc lắp ráp, xây dựng, hoặc lắp đặt diễn ra trong một thời gian dài có thể tạo ra một môi trường kiến tạo thường trực ở Malaysia. Trong một số hiệp định về thuế, các trang thiết bị chủ yếu ở Malaysia được sử dụng hoặc lắp đặt bởi, hoặc theo hợp đồng với một xí nghiệp, có thể tạo ra một cơ sở thường trực. Vì thế, điều rất quan trọng là phải xem lại các điều khoản của hiệp ước về thuế để khẳng định sự tồn tại của một cơ sở thường trực ở Malaysia. Và một cơ sở thường trực tồn tại ở Malaysia sẽ tạo ra một nghĩa vụ thuế tiềm năng.

Một trong những điểm quan trọng của các hiệp định về thuế là điều khoản “tiết kiệm thuế”. Theo đó, tiền lãi được chia từ lợi tức được miễn thuế theo chế độ khuyến khích thuế của Malaysia sẽ được trả từ lợi tức phải nộp thuế. Làm như vậy là để giúp cho người không thường trú đòi lại khoản tín dụng thuế về số tiền được miễn thuế ở xứ sở của họ. Tương tự, tiền lãi từ khoản nợ được chấp nhận hay tiền thuê mướn được chấp nhận, được miễn thuế của Malaysia, được coi là đã nộp thuế ở Malaysia. Những điều khoản tiết kiệm thuế khuyến khích việc đầu tư trực tiếp của nước ngoài ở Malaysia vì các nhà đầu tư nước ngoài có lãi nhiều hơn trên vốn đầu tư của họ nhờ khoản tín dụng thuế tiềm năng họ có được từ các nhà cầm quyền của chính họ. Vì Malaysia đã ký một số những hiệp định thuế với các nước trong thế giới thứ ba nên các nhà đầu tư Malaysia ở những nước này được hưởng những điều khoản tiết kiệm thuế khi họ chuyển tiền lại về Malaysia. Lợi nhuận này đã trở thành khá kinh điển vì lợi tức được miễn thuế giành cho vốn đầu tư có nguồn gốc nước nghèo mà một công ty thường trú nhận được ở Malaysia.

Các điều khoản khác trong các hiệp định thuế quy định quyền đánh thuế cho mỗi bên đối tác về tiền lãi thuê mướn, tiền lãi cổ phần và các lệ phí kỹ thuật.

Ngành kinh doanh vận tải biển và hàng không quốc tế thường được đánh thuế ở nước người nộp thuế thường trú và trong vài hiệp định thuế lợi tức được giảm đến 50%.

Tiền lãi do chuyển nhượng bất động sản hoặc vốn nằm trong các động sản đều được đánh thuế ở nước người đóng thuế cư trú. Các nhà đầu tư Malaysia làm ăn ở hải ngoại cũng được lợi từ những điều khoản của hiệp định thuế.

Ưu đãi thuế khuyến khích đầu tư

Chính phủ Malaysia đưa ra vô số những khuyến khích về thuế nhằm thúc đẩy việc đầu tư trực tiếp của nước ngoài ở Malaysia. Những quy định áp dụng về việc khuyến khích thuế do cơ quan thẩm quyền phát triển công nghiệp Malaysia thực hiện. Cơ quan này là một bộ phận của Bộ Ngoại thương và Công nghiệp thực hiện việc kiểm tra và phối hợp các hoạt động công nghiệp ở Malaysia.

Luật thuế lợi tức năm 1967 và Luật xúc tiến đầu tư năm 1986 đưa ra một loạt các khuyến khích đầu tư trong khu vực sản xuất chế biến nông nghiệp và du lịch.

Để đảm bảo vốn đầu tư của người nước ngoài, Malaysia đã ký 54 thỏa thuận đảm bảo vốn đầu tư (IGA) nhằm đảm bảo với các nhà đầu tư về việc vốn của họ không bị sung công hoặc quốc hữu hóa và cho phép họ được tự do chuyển vốn về nước.

Thuế giá trị gia tăng

Hiện nay không có thuế trị gia tăng (VAT) ở Malaysia. Nhưng người ta tin rằng thuế tiêu thụ tương tự thuế VAT sẽ được đưa vào bằng cách thống nhất thuế bán hàng và thuế dịch vụ hiện có thành một loại thuế duy nhất gọi là thuế bán hàng và dịch vụ (SST).

Thuế bán hàng

Thuế bán hàng được áp dụng trong các trường hợp sau:

- Tất cả hàng hóa được chế tạo ở Malaysia, được bán, dùng hoặc sử dụng trong nước.
- Tất cả hàng hóa được nhập khẩu vào Malaysia để sử dụng trong nước.

Tùy theo tính chất của hàng hóa, thuế bán hàng sẽ là 5%, 10%, hay 15% trên giá trị bán hàng hóa.

Thuế dịch vụ

Thuế dịch vụ được thông qua ở Malaysia và có hiệu lực từ 1/3/1975. Luật thuế dịch vụ 1975 (STA) được áp dụng đối với việc cung cấp các dịch vụ ở khách sạn, nhà hàng, quán rượu, snack bar, quán cà phê, câu lạc bộ, hộp đêm, vũ trường, cơ sở mát-xa, và các trung tâm sức khỏe. Thuế suất thuế dịch vụ là 5%.

Phạm vi của STA đã được mở rộng để bao hàm cả các dịch vụ ngành nghề, dịch vụ tư vấn và các dịch vụ khác. Mức thuế được tính đối với từng loại hình cơ sở dịch vụ dựa trên doanh số như sau:

Doanh số hằng năm từ 500.000 RM trở lên:

- Cơ sở quảng cáo
- Câu lạc bộ giải trí.

Doanh số hàng năm từ 300.000 RM trở lên:

- Bệnh viện tư (đối với dịch vụ cung cấp thức ăn).
- Cơ sở dịch vụ kế toán công.
- Cơ sở dịch vụ pháp lý.

- Cơ sở dịch vụ kiến trúc.
- Cơ sở cung cấp dịch vụ giám định.
- Cơ sở dịch vụ tư vấn.
- Cơ sở dịch vụ môi giới và cho thuê bất động sản.
- Cơ sở dịch vụ thú y.
- Cơ sở cung cấp dịch vụ quản lý.

Doanh số bằng năm 150.000 RM và cao hơn:

- Trung tâm dịch vụ và sửa chữa.
- Công ty giao nhận hàng hóa.
- Công ty cung cấp dịch vụ an ninh và bảo vệ.
- Công ty cung cấp dịch vụ truyền dữ liệu.
- Công ty cung cấp dịch vụ viễn thông như điện thoại, facsimile, telex v.v..
- Bãi đậu xe.

Thuế xuất nhập khẩu

Thuế là công cụ chính được Malaysia sử dụng để điều tiết việc nhập khẩu hàng hoá. Thuế suất thuế nhập khẩu của Malaysia ở mức từ 0% đến 300%. Để bảo vệ các ngành nhạy cảm với nhập khẩu hoặc các ngành chiến lược, 17% dòng thuế của Malaysia được quản lý theo hình thức cấp phép phi tự động (bao gồm các mặt hàng như xe có động cơ, thiết bị xây dựng, các lĩnh vực lâm nghiệp, chặt gỗ, nông nghiệp và khoáng sản). Mức thuế cao hơn áp dụng cho các mặt hàng xa xỉ và các lĩnh vực được bảo hộ, như ô tô. Thuế nhập khẩu nguyên liệu thô thấp hơn.

Năm 2000, thuế nhập khẩu áp dụng cho 136 loại thực phẩm (tươi, khô và chế biến) được giảm từ khoảng 5%-20% còn 2%-12%. Malaysia cũng giảm mạnh thuế nhập khẩu đối với ngũ cốc chế biến, rau chế biến, trái cây chế biến/bảo quản, các loại hạt, nước quả, mì sợi và các loại hải sản khác.

Tuy nhiên, thuế nhập khẩu thuốc lá, các sản phẩm thuốc lá, đồ uống có cồn và một số thực phẩm chế biến có trị giá cao vẫn cao. Nhập khẩu gà không nguyên con được quản lý thông qua hệ thống kiểm tra vệ sinh và cấp phép. Bermas, cơ quan quốc doanh duy nhất được quyền nhập khẩu gạo, có trách nhiệm phải mua gạo sản xuất trong nước và có quyền quyết định việc nhập khẩu. Vào tháng 12/1993 và tháng 4/1994, Chính phủ áp dụng thuế bảo hộ (theo kế hoạch 5 năm) đối với chất dẻo, nhựa tổng hợp và giấy craft.

Nguyên liệu thô được sử dụng trực tiếp để sản xuất hàng xuất khẩu được miễn thuế nhập khẩu nếu nguyên liệu đó không được sản xuất ở trong nước hoặc nếu nguyên liệu trong nước không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn về chất lượng và giá cả, chẳng hạn như linh kiện bán dẫn dùng để lắp ráp hàng bán dẫn xuất khẩu. Malaysia cũng miễn thuế cho máy móc và thiết bị sử dụng trực tiếp trong quá trình sản xuất hoặc trong nước không sản xuất được.

Thuế xuất khẩu vào khoảng 5% đến 10% đặt ra với những mặt hàng chính: dầu mỏ, gỗ xẻ, cao su, dầu cọ và thiếc. Thuế xuất khẩu dầu mỏ là 10%. Thuế xuất khẩu các hàng hoá khác được tính trên cơ sở giá ngưỡng và hàng sẽ không bị đánh thuế nếu giá giảm xuống dưới mức giá ngưỡng đưa ra. Tháng 8/2000, chính phủ cho phép một số nhà xuất khẩu

dầu cọ xuất khẩu dầu cọ thô miễn thuế để giảm bớt lượng dự trữ dư thừa và đẩy giá lên. Chính phủ đã điều chỉnh mức thuế xuất khẩu các sản phẩm gỗ cây - xoá bỏ thuế hoàn toàn cho một số loại - để khuyến khích xuất khẩu trong thời gian kinh tế khó khăn. Tuy nhiên, xuất khẩu gỗ cao su vẫn phải theo hạn ngạch.

Thuế thu nhập

Ở Malaysia không có thuế lương bổng, thuế thu nhập từ lương, doanh thu và phát triển.

3. Quy định về bao gói, nhãn mác

Yêu cầu nhãn mác

Ngôn ngữ được sử dụng:

Ngôn ngữ được sử dụng để cho biết về nơi sản xuất, chế biến hoặc đóng gói thực phẩm tại Malaysia là tiếng Bahasa Malaysia và trong trường hợp thực phẩm nhập khẩu, ngôn ngữ có thể bằng tiếng Bahasa Malaysia hoặc bằng tiếng Anh, và trong cả hai trường hợp có thể bao gồm bản dịch trong bất kỳ ngôn ngữ khác.

Cụ thể về nhãn mác

1. Các chỉ dẫn phù hợp của thực phẩm hoặc mô tả về các thực phẩm có chứa các tên chung của các thành phần chính của nó. Chỉ dẫn phù hợp có nghĩa là không mô tả chung chung về các thành phần mà thông báo chon người dùng thực sự về thành phần của thực phẩm mà nó được áp dụng. Các ký tự trên nhãn phải nổi bật hơn, nhấn mạnh vào hình ảnh, và vị trí dễ dàng nhận thấy bằng cách so sánh với bất kỳ thông tin nào khác xuất hiện trên nhãn.
2. Trong trường hợp thực phẩm hỗn hợp hoặc pha trộn phải ghi rõ các hình thức sau đây: Hỗn hợp (chèn các chỉ dẫn phù hợp của thực phẩm), hoặc Pha trộn (chèn chỉ dẫn phù hợp của thực phẩm)
3. Thức ăn có chứa thịt bò hoặc thịt lợn, hoặc các dẫn xuất của nó, hoặc mỡ heo, phải thông báo thực phẩm có chứa thịt bò hoặc thịt lợn, hoặc các dẫn xuất của nó,...Hoặc được dùng bất kỳ từ nào khác để người mua có thông tin về điều này.
4. Nếu sản phẩm chứa rượu thì phải thông báo sản phẩm chứa rượu bằng chữ đậm. Thông báo này sẽ xuất hiện ngay bên dưới chỉ dẫn phù hợp của thực phẩm.
5. Thực phẩm bao gồm hai hay nhiều thành phần, trừ nước, phụ gia thực phẩm và chất dinh dưỡng bổ sung, thì các chỉ dẫn phù hợp của từng thành phần theo thứ tự giảm dần theo tỷ lệ trọng lượng và (nếu cần thiết) thông báo thêm về tỷ lệ thành phần.
6. Trong trường hợp thực phẩm nhập khẩu, phải ghi tên và địa chỉ kinh doanh của nhà sản xuất hoặc nơi đóng gói hoặc chủ sở hữu quyền sản xuất, và tên cũng như địa chỉ kinh doanh của nhà nhập khẩu tại Malaysia và tên của các quốc gia xuất xứ của thực phẩm.
7. Hình thức và cách ghi nhãn
 - Các nội dung yêu cầu trên sẽ xuất hiện rõ ràng và nổi bật trong nhãn.

- Mọi chi tiết đều xuất hiện trên nhãn được ghi trong không nhỏ hơn 10 ý và phải nổi bật so với các thông tin khác trên nhãn.
- Tất cả các nhãn phải rõ ràng và có độ bền để dính chặt với gói.

8. Trên nhãn phải ghi rõ thời gian sản xuất và ngày hết hạn (theo quy chế thực phẩm năm 1985).

Quy định về bao bì:

- Không ai được sử dụng bao bì có bất kỳ chất độc hại nào gây tổn hại hoặc có thể gây ảnh hưởng đến sản phẩm.
- Không ai được nhập khẩu, sản xuất, quảng cáo để bán bất kỳ bao gói nào có chì, antimon, asen, cadimi hoặc bất kỳ chất độc hại nào khác cho sản phẩm đóng gói, lưu trữ, phân phối hoặc tiếp xúc với sản phẩm.
- Cấm tái chế bao gói: sử dụng cho đường, bột mì hoặc thức ăn, chất béo, những thực phẩm có nguồn gốc từ lợn,... hoặc bất kỳ bao gói nào mà trước đây đã được sử dụng.
- Sử dụng bao gói hư hỏng bị cấm
- Đồ chơi, tiền xu,... không được đặt trong thực phẩm.

4. Quy định về kiểm dịch động thực vật

Hàng hóa bị kiểm soát nhập khẩu thông qua các quy định về kiểm dịch:

- Thuốc và các loại nguyên liệu sản xuất thuốc
- Dược phẩm
- Hóa chất phụ gia dùng cho thực phẩm.

Hàng hóa bắt buộc kiểm dịch:

- Nguyên liệu dùng để chế biến thực phẩm
- Nguyên liệu dùng để sản xuất thuốc, dược phẩm.

Một số quy định khác:

Theo quy định kiểm dịch của Malaysia, một số loại hàng hóa sau phải xin giấy phép của cơ quan chức năng Malaysia trước khi nhập khẩu:

- Thực vật và các loại giống thực vật
- Đất
- Mỡ động vật không ăn được yêu cầu phải có giấy chứng nhận khử trùng của cơ quan chuyên trách nước xuất xứ.
- Thực vật và các loại giống thực vật cần có chứng nhận không mang mầm bệnh của nước xuất xứ.
- Rượu Whisky và rượu mạnh cần có giấy chứng nhận đã được chứa trong vật liệu gỗ ít nhất 3 năm.
- Thịt hàng thịt và chế biến từ thịt phải có lô gô “Halal Food” và chứng nhận đảm bảo an toàn cho sức khỏe. Lô gô “Halal Food” do Phòng Phát triển Hồi giáo Malaysia (JAKIM) cấp. Doanh nghiệp Việt Nam có thể liên lạc với Ban Đại diện Cộng đồng người Hồi giáo tại TPHCM để được tổ chức này xác nhận chứng nhận của JAKIM.

5. Quyền sở hữu trí tuệ

Quyền sở hữu trí tuệ (IPR) được đề cập đến trong Đạo luật mô tả thương mại năm 1972, Luật bằng sáng chế năm 1983, Luật bản quyền năm 1987 và Luật mẫu mã công nghiệp năm 1996. Năm 2000, Chính phủ đã thông qua nhiều luật mới và sửa đổi các luật hiện hành nhằm tăng cường chính sách bảo vệ sở hữu trí tuệ của Malaysia và phù hợp với các quy định của WTO liên quan đến Hiệp định bảo vệ sở hữu trí tuệ (TRIPs).

Nghị viện Malaysia đã thông qua những sửa đổi của Luật bản quyền, Luật bằng sáng chế, và Luật nhãn hiệu thương mại, cũng như luật về kiểu mẫu và các ký hiệu thương mại. Tháng 9 năm 2000, Chính phủ Malaysia đã công bố Luật đĩa quang học thiết lập khung luật pháp về cấp phép đối với các ngành công nghiệp đã đăng ký bản quyền và kiểm soát việc làm giả các thiết bị truyền thông quang học. Malaysia tham gia Hiệp ước Berne và Pari và là một thành viên của Tổ chức quyền sở hữu trí tuệ quốc tế (WIPO).

6. Khu vực tự do thương mại (Free Zones)

Malaysia có các khu vực tự do (FZs) dành cho việc thành lập các nhà máy sản xuất định hướng xuất khẩu và các cơ sở lưu giữ hàng hoá. Nguyên liệu thô và thiết bị có thể được nhập khẩu miễn thuế vào các khu vực này theo các thủ tục hải quan tối thiểu. Những công ty xuất khẩu không dưới 80% sản lượng của họ và phụ thuộc vào hàng hoá, nguyên liệu và phụ tùng nhập khẩu đều có thể được xây dựng trong những FZs này. Những công ty trong FZ's bán hàng hoá vào Malaysia phải nộp thuế nhập khẩu. Ngoài FZ's, Malaysia cũng cho phép thành lập các kho sản xuất theo giấy phép, ở đó các công ty được tự do hơn song vẫn được hưởng những ưu đãi như kinh doanh ở FZ.

7. Qui định về tiêu chuẩn đối với hàng hóa, dịch vụ

Để có thể lưu hành trên thị trường, một số loại sản phẩm cuối cùng (end products) bắt buộc phải có các loại giấy chứng nhận sau đây do Bộ Y tế Malaysia (Ministry of Health) cấp:

- Giấy chứng nhận Y tế (Health Certificate);
- Giấy chứng nhận Kinh doanh Tự do (Free Sale Certificate - FSC);
- Giấy chứng nhận áp dụng Tiêu chuẩn HACCP (Hazard Analysis Critical Control Point - Certificate);
- Giấy chứng nhận áp dụng Phương pháp Sản xuất tốt (Good Manufacturing Practice (GMP) Certificate);
- Giấy chứng nhận áp dụng Biện pháp Vệ sinh Dịch tễ tốt (Good Hygiene Practice (GHP) Certificate).

Thuốc: Quá trình đăng ký thuốc tại Malaysia thường khá lâu, có thể lên tới 3 năm đối với một số sản phẩm để có được giấy phép bán ra thị trường.

Sản phẩm gốm sứ, thêu ren: Hoa văn trang trí trên các mặt hàng này không được sử dụng hình người và con vật.

Các loại thực phẩm đóng gói khi bán tại Malaysia phải được dán nhãn dinh dưỡng bao gồm: ngũ cốc, bánh mì, sữa, thịt hộp, cá hộp, rau quả đóng hộp, nước quả, các loại đồ uống, nước sốt salad... Qui định dán nhãn dinh dưỡng ban hành tháng 3/2003 đề cập đến các chỉ số dinh dưỡng cần nêu và hình thức trình bày các chỉ số này trên nhãn sản phẩm.

Các qui định này hạn chế việc đưa ra các thông tin dinh dưỡng chung chung như: "reduced sodium" (giảm hàm lượng natri), "low cholesterol" (tỷ lệ cholesterol thấp), "high fibre" (hàm lượng chất xơ cao)...

8. Thành lập doanh nghiệp

Loại hình doanh nghiệp

Các doanh nghiệp thành lập ở Malaysia phải tuân thủ theo Luật doanh nghiệp ở Malaysia 1965. Các loại hình doanh nghiệp đó là:

- Công ty cổ phần: công ty này phải có từ "Berhad", thường viết tắt là "Bhd" ở cuối tên gọi của công ty. Các công ty tư nhân được ghi chú bằng từ "Sendirian Berhad" hoặc viết tắt là "Sdn Bhd".
- Chi nhánh công ty nước ngoài.
- Công ty trách nhiệm hữu hạn.
- Công ty trách nhiệm vô hạn.

Thành lập doanh nghiệp

Về cơ bản, việc thành lập doanh nghiệp, theo Luật doanh nghiệp 1965, cần phải nộp đơn cho ROC để được chấp nhận tên gọi của công ty do công ty đề xuất tại hồ sơ đăng ký thành lập và các điều lệ hoạt động của công ty. Việc trả lệ phí đăng ký tùy thuộc vào tổng số vốn của công ty. ROC sẽ phát hành giấy chứng nhận thành lập công ty. Giấy chứng nhận này là bằng chứng về sự tồn tại của công ty. Việc thành lập một công ty thường mất từ 3 đến 6 tuần.

Lệ phí đăng ký

Vốn pháp định (RM)	Lệ phí đăng ký (RM)
0-100.000	1.000
100.001-500.00	3.000
500.001-1.000.000	5.000
1.000.001-5.000.000	8.000
5.000.001-10.000.000	10.000
10.000.001-25.000.000	20.000
25.000.001-50.000.000	40.000
50.000.001-100.000.000	50.000
Trên 100.000.000	70.000

Thành lập chi nhánh công ty nước ngoài

Cơ quan chịu trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ đăng ký thành lập chi nhánh công ty nước ngoài ở Malaysia là ROC. ROC sẽ phê chuẩn tên gọi của chi nhánh trên cơ sở xem xét bộ hồ sơ (bao gồm cả điều lệ hoạt động của chi nhánh và các giấy tờ khác theo yêu cầu bằng tiếng Anh và bản dịch sang tiếng Anh nếu điều lệ được viết bằng ngôn ngữ nước ngoài).

Để việc đăng ký thành lập chi nhánh được thuận tiện, nên thuê tư vấn hoặc luật sư tại bản địa. Mức lệ phí đăng ký tùy thuộc số vốn pháp định của công ty nước ngoài (đổi ra đồng

Ringgit của Malaysia. Mức phí đăng ký này cũng bằng với mức phí đăng ký của một công ty Malaysia. Giấy chứng nhận là một bằng chứng xác thực về sự tồn tại của chi nhánh nước ngoài. Thời gian đăng ký thành lập một chi nhánh công ty nước ngoài thường mất từ 3 đến 6 tuần.

Quy chế cấp giấy phép kinh doanh đối với các công ty bán sản phẩm trực tiếp

Tháng 5/1999, Malaysia chính thức thông báo áp dụng các quy chế về cấp giấy phép kinh doanh đối với các công ty bán sản phẩm trực tiếp.

Một số quy định cụ thể gồm:

- Bên nước ngoài không được nắm quyền quá 30% trong một công ty được thành lập trong nước.
- Thành phần nguyên liệu trong nước không dưới 80%.
- Không cho phép bán sản phẩm mới mà không đáp ứng nhu cầu trong nước.

Nếu tăng giá phải được sự đồng ý của Bộ Nội thương và Tiêu dùng (MDTCA).

9. Văn hóa kinh doanh

Tập quán kinh doanh

- Công ty, doanh nghiệp làm việc từ thứ Hai đến thứ Bảy. Từ thứ Hai đến thứ Sáu, ngày làm việc bắt đầu từ 09h sáng đến 05h chiều, riêng thứ Bảy chỉ làm việc đến 12h30 trưa. Hầu hết các cửa hàng, siêu thị đều mở cửa cả tuần từ 10h sáng đến 10h tối. Các ngân hàng cũng mở cửa từ thứ Hai đến thứ Bảy nhưng muộn hơn. Từ thứ Hai đến thứ Sáu, mở cửa từ 09h30 sáng đến 04h chiều, riêng thứ Bảy chỉ làm việc đến 11h30 trưa. Hàng tháng, các ngân hàng đều nghỉ ngày thứ Bảy đầu tiên của tháng.
- Người Malaysia chỉ chấp nhận hợp đồng bằng văn bản mà không chấp nhận hợp đồng miệng. Tuy nhiên, họ không bằng lòng với các hợp đồng có quá nhiều chi tiết vì cho rằng như thế là thiếu sự tin tưởng lẫn nhau. Ngược lại, các doanh nghiệp nhỏ ở Malaysia lại cần những hợp đồng chi tiết vì với năng lực yếu, họ khó có thể kiểm soát được tình hình.
- Danh thiếp kinh doanh phải được in bằng tiếng Anh. Vì rất nhiều thương gia Malaysia là người Trung Quốc nên một mặt danh thiếp nên in bằng tiếng Trung Quốc và nên in bằng chữ vàng. Trên danh thiếp nên ghi rõ trình độ học vấn, trình độ chuyên môn và chức vụ.
- Trong văn hoá kinh doanh ở Malaysia, các bên đối tác thường trao đổi với nhau bằng tiếng Anh. Tuy nhiên, cần thận trọng để tránh hiểu lầm ý khi đối thoại với họ bằng ngôn ngữ này. Trong trường hợp giao tiếp với người Malaysia gốc Trung nói tiếng Anh, cần thận trọng tránh hiểu sai ý nghĩa câu nói của nhau.
- Ngôn ngữ chính thức ở Malaysia là tiếng Bahasa Malaysia. Khi gặp các quan chức chính phủ buộc phải sử dụng ngôn ngữ này nên nếu cần thiết, bạn có thể đem theo phiên dịch.

Một số phong tục tập quán, văn hóa cần lưu ý

- Sau những lời giới thiệu, hãy đưa danh thiếp cho những người có mặt. Khi đưa danh thiếp, cần đưa bằng 2 tay (cầm trên tay phải còn tay trái đỡ tay phải). Khi nhận danh thiếp cũng nên nhận bằng 2 tay, xem xét một chút rồi cẩn thận đặt vào hộp danh thiếp, không đặt vào túi hậu và không viết lên danh thiếp của người khác.
- Văn hoá kinh doanh Malaysia phần lớn là sự tổng hợp của văn hoá kinh doanh Trung Quốc và Ấn Độ.
- Người Malaysia thích kinh doanh cùng với những người mà họ biết và họ quý mến. Do vậy nên phát triển mối quan hệ cá nhân với các đối tác Malaysia.
- Bạn cần thực hiện một số chuyến đi tới Malaysia trước khi quyết định các bước hành động. Thiết lập mối quan hệ bền chặt trong kinh doanh là một khía cạnh của văn hóa kinh doanh Malaysia.
- Các cuộc đàm phán, thương lượng với doanh nhân Malaysia thường diễn ra chậm.
- Người Malaysia rất coi trọng thái độ giao tiếp. Thái độ lịch thiệp sẽ góp phần quan trọng trong thành công khi kinh doanh ở Malaysia. Không hút thuốc hay đeo kính trong các cuộc tiếp xúc. Đối với người già lại càng cần giữ thái độ tôn trọng.
- Người Malaysia thiểu số sẽ chỉ chấp nhận những biểu hiện khác nếu chúng phù hợp với đạo Hồi. Người Malaysia thiểu số thường giải quyết vấn đề theo kiểu cá nhân chứ không tuân theo các quy chế hay luật pháp.
- Người Malaysia dù theo đạo nào cũng đều rất coi trọng sự điềm tĩnh. Việc mất tự chủ hay cáu giận khi giao tiếp với phía đối tác Malaysia sẽ gây ra những ảnh hưởng xấu trong quan hệ.
- Người Malaysia thường tránh sự đối đầu, họ sẽ không trả lời trực tiếp "không" khi có ý định từ chối.
- Không giống như người phương Tây, người Malaysia thường có những lúc im lặng trong khi đối thoại. Trước khi trả lời một câu hỏi, họ cũng thường im lặng trong 10-15 giây.
- Người Malaysia cũng khá mê tín, họ sẽ chọn "ngày đẹp" để ký hợp đồng.
- Ngay cả khi hợp đồng đã được ký kết cũng không có nghĩa đã được sự đồng ý hoàn toàn, người Malaysia có thể sẽ tiếp tục thương lượng sau khi hợp đồng đã ký.

Các doanh nhân theo đạo Hồi tại Malaysia

- Trước khi thương lượng, họ thích bắt tay nhẹ và hơi gật đầu, có thể kèm theo một nụ cười. Sau đó, nếu là người cùng giới, họ thường áp hai tay vào ngực (biểu thị lời chào xuất phát từ trái tim). Nếu ta làm cử chỉ tương tự, sẽ được đánh giá cao. Họ cũng đánh giá cao về cái cúi đầu nhẹ khi gặp phụ nữ.
- Trong thương lượng, nghi lễ ký kết được coi là quan trọng và được thực hiện rất nghiêm chỉnh, sau khi họ có những quyết định phù hợp với giáo lý đạo hồi.
- Họ rất lịch sự, thay vì hỏi: “Yêu cầu của chúng tôi là hợp lý chứ?”, họ sẽ hỏi: “Yêu cầu của chúng tôi có phù hợp với quý công ty không? Hoặc là: “Quý Công ty có thể tán thành điều khoản này không?”.
- Nếu bạn mời người Malaysia theo đạo Hồi đi ăn, cần lưu ý các đặc điểm của đạo Hồi như không ăn thịt lợn, không uống đồ uống có cồn.

Phần 5. Địa chỉ hữu ích

Đại sứ quán Malaysia tại Việt Nam

Địa chỉ: Tầng 16, Tháp Fortuna, số 6, Láng Hạ, Hà Nội

Tel: 8313400 / 8313404

Fax: 8313402

Email: mwhanoi@hn.vnn.vn

Đại sứ quán Việt Nam tại Malaysia

Địa chỉ: Số.4 Persiaran Stonor-50450, Kuala Lumpur, Malaysia

Tel: 2148 4534

Di động Đại sứ: 00.60.126.194.582

Di động Tham tán: 00.60.126.743.779

Fax: 21636334/2148 3270

Email: daisevn@putra.net.my

Cơ quan Xúc tiến Thương mại Malaysia

MATRADE - Malaysia External Trade Development Corporation

Địa chỉ: Tầng 7, Wisma Sime Darby, Jalan Raja Laut, 50350 Kuala Lumpur, Malaysia

Tel: (603) 2694-7259

Fax: (603) 2694-7363

Email: info@hq.matrade.gov.my

Website: <http://www.matrade.gov.my>

Thương vụ Việt Nam tại Malaysia

Địa chỉ: No 4 Persiaran Stonor 50450 Kuala Lumpur, Malaysia

Tel: 603 2141 4692

Fax: 603 2141 4696

Email: my@mot.gov.vn, tvmalai99@hotmail.com

Địa chỉ website hữu ích:

Văn phòng Thủ tướng (JPM): www.smpke.jpm.my

Bộ Nội thương và Tiêu dùng: www.kpdnhq.gov.my

Bộ Tài chính: www.treasury.gov.my

Bộ Văn hóa, Nghệ thuật và Du lịch: www.kempen.gov.my/mycul.htm

Bộ Giáo dục: www.moe.gov.my

Bộ Phát triển Doanh nghiệp: www.kpun.gov.my

Bộ Ngoại giao: www.mfa.gov.my

Bộ Nội vụ: www.kdn.gov.my

Bộ Thông tin: www.kempen.gov.my/jabatan.htm

Bộ Thương mại & Công nghiệp Quốc tế: www.miti.gov.my

Bộ Khoa học Công nghệ và Môi trường: www.mastic.gov.my/agency.htm

Bộ Giao thông: www.mot.gov.my

Bộ Lao động: www.kkr.gov.my

Ngân hàng Trung ương Malaysia: www.bnm.gov.my

Cơ quan Thống kê: www.statistics.gov.my

Hội đồng Kinh tế Quốc gia (NEAC): www.neac.gov.my

Cục Thuế và Hải quan Hoàng gia: www.customs.gov.my

Sở Giao dịch Chứng khoán Malaysia: www.mtx.com.my

Hiệp hội các Nhà sản xuất Malaysia (FMM): www.fmm.org.my

Sản phẩm của Malaysia: www.malaysiaproducts.com

Hiệp hội các Nhà sản xuất Hàng dệt Malaysia (MTMA): www.fashion-asia.com

Tài liệu tham khảo

<http://www.statistics.gov.my>

<http://www.matrade.gov.my/index.htm>

<http://www.malaysiaexports.com>

<https://www.cia.gov>

<http://www.miti.gov.my>

<http://www.epu.jpm.my/>

<http://www.mofa.gov.vn>

<http://www.ecvn.com>

<http://www.britannica.com>

Economist Intelligence Unit

Và nhiều nguồn khác trên Internet